

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC SAI PHẠM QUA THANH TRA CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Bồi thường về đất				
			Bồi thường đất công ích thuê của UBND xã	Áp sai đơn giá đất ở do xác định sai loại đường	Áp sai đơn giá đất ở do xác định vị trí đất từ vị trí 2 sang vị trí 1	Bồi thường trùng diện tích đất do cùng một diện tích đất bồi thường cho 02 hộ gia đình	Tính toán sai diện tích đền bù đất
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Cảng hàng không	- 2,497,811,800	- 103,429,200	- 667,250,000	- 1,421,902,800	- 210,000,000	- 95,229,800
I.1	Các phương án đất ở	- 2,292,247,000	-	- 667,250,000	- 1,421,902,800	- 210,000,000	6,905,800
1	Đợt 35	- 231,040,000			-231,040,000		
2	Đợt 69	- 201,000,000		-201,000,000			
3	Đợt 65	- 102,194,400			-102,194,400		
4	Đợt 59	- 23,342,000			-23,342,000		
5	Đợt 60	- 114,234,000			-114,234,000		
6	Đợt 75	- 377,050,000		- 377,050,000			
7	Đợt 67	- 28,440,000		(28,440,000)			
8	Đợt 38	- 622,948,200			-419,854,000	-210,000,000	6,905,800
9	Đợt 24	- 145,548,000			-145,548,000		
10	Đợt 34	- 298,643,200			-298,643,200		
11	Đợt 36	- 23,347,200			-23,347,200		
12	Đợt 37	- 60,760,000		-60,760,000			
13	Đợt 39	- 63,700,000			-63,700,000		
I.2	Các phương án đất lúa	- 205,564,800	-103,429,200	0	0	0	-102,135,600
1	Đợt 41	- 15,120,000	- 15,120,000				
2	Đợt 51	- 48,720,000	- 48,720,000				
3	Đợt 68	- 39,589,200	- 39,589,200				
4	Đợt 27	- 102,135,600					- 102,135,600
II	Điểm TĐC số 1	- 198,333,400	- 198,333,400	-	-	-	-
1	Đợt 10	- 13,759,600	- 13,759,600				

2	Đợt 3	- 74,546,200	- 74,546,200				
3	Đợt 4	- 77,842,600	- 77,842,600				
4	Đợt 6	- 32,185,000	- 32,185,000				
III	Điểm TĐC số 3	-					
IV	Điểm TĐC C13 và C13 mở rộng	-					
	Tổng cộng	- 2,696,145,200	- 301,762,600	- 667,250,000	- 1,421,902,800	- 210,000,000	- 95,229,800



BIỂU TỔNG HỢP CÁC SAI PHẠM QUA THANH TRA CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Tài sản vật kiến trúc									
			Tính toán nhằm số học, sai khối lượng	Áp sai đơn giá theo quy định tại Quyết định 02/2015	Tính trùng hạng mục tài sản, vật kiến trúc trong sản xây dựng	Đền bù tài sản, vật kiến trúc nằm ngoài diện tích thu hồi	Chưa giảm trừ phần nền nhà, mái nhà theo HD số 285/HD-SXD	Chưa thu hồi kinh phí đã có quyết định điều chỉnh giảm	Bồi thường TS, VKT không đúng quy định tại Điều 92, Luật Đất đai	Áp sai đơn giá đền bù tài sản, vật kiến trúc đối với diện tích xây dựng trên đất không phải là đất ở (80%)	Bồi thường, hỗ trợ nhà xưởng, nhà kho không cùng một nhà (nhà thứ 2,3,4..) của cùng một hộ trên cùng một thửa đất	Hỗ trợ di chuyển nhà, tài sản khác trên đất bị thu hồi đối với nhà làm trên đất không phải đất ở; hỗ trợ không đúng đối tượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Cảng hàng không	- 3,606,109,550	- 2,647,501,696	- 34,914,334	- 150,225,200	- 93,718,973	- 557,885,382	-	-	- 41,863,966	-	- 80,000,000
I.1	Các phương án đất ở	- 3,606,109,550	- 2,647,501,696	- 34,914,334	- 150,225,200	- 93,718,973	- 557,885,382	-	-	- 41,863,966	-	- 80,000,000
1	Đợt 3	- 1,500,763,291	- 1,500,763,291									
2	Đợt 17	- 99,078,108	- 41,555,749	- 9,575,363	- 11,965,100	-6,960,096	-25,021,800			0		-4,000,000
3	Đợt 35	- 95,938,504				-27,026,480	-68,912,024					
4	Đợt 53	- 737,180,253	- 684,461,727			-7,087,680	-45,630,846					
5	Đợt 57	- 69,162,002	- 43,859,942			-25,302,060						
6	Đợt 61	7,814,004	- 25,174,240	90,697,876		-3,850,496	-13,859,136					-40,000,000
7	Đợt 69	- 231,832,208	- 177,838,041				-12,130,200			-41,863,966		
8	Đợt 65	- 50,316,228		- 25,256,807		-7,691,798	-17,367,623					0
9	Đợt 58	- 22,672,986					-18,672,986					-4,000,000
10	Đợt 59	- 32,602,697					-20,602,697					-12,000,000
11	Đợt 60	- 51,780,088					-51,780,088					
12	Đợt 62	- 19,342,364	- 5,920,678				-13,421,686					
13	Đợt 75	- 13,645,195	(13,645,195)									
14	Đợt 67	- 137,964,534	(54,274,147)	(63,690,387)								(20,000,000)
15	Đợt 63	- 173,142,948	(4,088,448)	5,737,500.00	(138,260,100)		- 36,531,900					
16	Đợt 56	- 113,651,040	(83,798,880)			- 29,852,160						
17	Đợt 64	- 26,982,189		(5,035,536.00)		(9,266,608)	(12,680,045)					
18	Đợt 38	- 68,935,120	5,970,432	- 19,003,617		-1,983,654	-53,918,280					
19	Đợt 24	- 14,940,838	-6,194,188				-8,746,650					
20	Đợt 26	- 6,916,565					-6,916,565					
21	Đợt 28	- 3,680,496					-3,680,496					
22	Đợt 30	- 8,509,082					-8,509,082					
23	Đợt 34	- 27,225,708					-27,225,708					
24	Đợt 36	- 1,458,000					-1,458,000					
25	Đợt 39	- 59,188,620					-59,188,620					
26	Đợt 40	- 11,897,600	-11,897,600									
27	Đợt 47	-								0		
28	Đợt 48	- 35,116,890		-8,788,000			-26,328,890					
I.2	Các phương án đất lúa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Điểm TĐC số 1	- 1,810,347,284	110,093,861	- 1,920,441,145	-	-	-			-	-	-
1	Đợt 15, 16, 17, 18, 24, Hỗ trợ suất TĐC tối thiểu	- 1,801,862,132	118,579,013	- 1,920,441,145								

3	Đợt 10	- 8,485,152	- 8,485,152									
III	Điểm TĐC số 3	- 4,448,528,000	-282,112,000						-744,585,000		-3,421,831,000	
IV	Điểm TĐC C13 và C13 mở rộng	- 373,538,000										
				-223,480,000							-150,058,000	
	Tổng cộng	- 10,238,522,834	- 2,819,519,835	- 2,178,835,479	- 150,225,200	- 93,718,973	- 557,885,382	-	- 744,585,000	- 41,863,966	- 3,571,889,000	- 80,000,000

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC SAI PHẠM QUA THANH TRA CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH
CƯ DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Cây cối, hoa màu		Chế độ hỗ trợ			
			Bồi thường sai do bồi thường sai về đất	Tính sai số học	Hỗ trợ chuyển đổi nghề sai đối tượng do không trực tiếp sản xuất nông nghiệp; do sử dụng đất công ích của xã; do sử dụng sai mục đích	Hỗ trợ ổn định đời sống vào diện tích xây dựng sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp không đúng mục đích sử dụng theo hợp đồng giao	Hỗ trợ nơi ở tạm đối với các hộ gia đình không đủ điều kiện giao đất	Hỗ trợ suất TĐC tối thiểu
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Cảng hàng không	- 4,937,868,880	- 15,684,480	-	- 5,088,411,200	-	-	166,226,800
I.1	Các phương án đất ở	131,163,600	-	-	- 35,063,200	-	-	166,226,800
1	Đợt 17	- 24,485,200			-24,485,200			
2	Đợt 35	- 10,578,000			-10,578,000			
3	Đợt 65	32,724,000						32,724,000
4	Đợt 38	58,638,000						58,638,000
5	Đợt 24	70,534,800						70,534,800
6	Đợt 37	10,610,000						10,610,000
7	Đợt 39	13,720,000						13,720,000
8	Đợt 47	- 20,000,000						-20,000,000
I.2	Các phương án đất lúa	- 5,069,032,480	-15,684,480	0	-5,053,348,000	0	0	0
1	Đợt 41	- 1,512,000	- 1,512,000					
2	Đợt 2	- 518,026,800			- 518,026,800			
3	Đợt 72	- 864,132,400			- 864,132,400			
4	Đợt 21	- 173,282,400			- 173,282,400			
5	Đợt 18	- 44,993,400			- 44,993,400			

6	Đợt 51	-	327,253,800			-	327,253,800							
7	Đợt 68	-	298,723,920	-	3,958,920		-	294,765,000						
8	Đợt 25	-	988,920,000				-	988,920,000						
9	Đợt 32	-	284,056,200				-	284,056,200						
10	Đợt 16	-	794,038,800				-	794,038,800						
11	Đợt 19	-	357,142,800				-	357,142,800						
12	Đợt 27	-	309,324,960	-	10,213,560		-	299,111,400						
13	Đợt 75a	-	107,625,000				-	107,625,000						
II	Điểm TĐC số 1	-	595,000,200	-			-	595,000,200	-	-				
1	Đợt 10	-	41,278,800				-	41,278,800						
2	Đợt 3	-	223,638,600				-	223,638,600						
3	Đợt 4	-	233,527,800				-	233,527,800						
4	Đợt 6	-	96,555,000				-	96,555,000						
III	Điểm TĐC số 3	-	994,299,000				-850,299,000		-144,000,000					
IV	Điểm TĐC C13 và C13 mở rộng	-	87,462,000			-4,340,000	-55,415,000	-27,707,000						
	Tổng cộng	-	6,614,630,080	-	15,684,480	-	4,340,000	-	6,589,125,400	-	27,707,000	-	144,000,000	166,226,800

b	Tài sản - Kiến trúc											
	Tấm đan BTCT mi cửa sổ: 2*0,7*0,2*3	m2	8.4	0.84	-7.56	1,892,800	1,892,800	0	15,899,520	1,589,952	-14,309,568	Tính sai khối lượng
	Mái thái BTCT 11*3,3*0,15*2	m3	11.19	10.89	-0.3	1,892,800	1,892,800	0	21,180,432	20,612,592	-567,840	Sai số học
	Bê bép BTCT 0,6*2,1*0,1	m3	3.78	0.126	-3.654	1,892,800	1,892,800	0	7,154,784	238,493	-6,916,291	Sai số học
6	Phạm Duy Tân										-672,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa: 4.0*4,8	m2	19.2	0	-19.2	35,000	35,000	0	672,000	0	-672,000	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
7	Nguyễn Thị Kiều Oanh										-1,976,100	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa: 3,3*4,6	m2	15.18	0	-15.18	35,000	35,000	0	531,300	0	-531,300	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa: 2,8*1,3	m2	3.64	0	-3.64	35,000	35,000	0	127,400	0	-127,400	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa: 3,3*4,6	m2	15.18	0	-15.18	35,000	35,000	0	531,300	0	-531,300	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa: 2,8*1,3	m2	3.64	0	-3.64	35,000	35,000	0	127,400	0	-127,400	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa: 3,3*4,6	m2	15.18	0	-15.18	35,000	35,000	0	531,300	0	-531,300	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa: 2,8*1,3	m2	3.64	0	-3.64	35,000	35,000	0	127,400	0	-127,400	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
8	Tào Thị Ngà										-1,105,650	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa: 8,1*3,9	m2	31.59	0	-31.59	35,000	1,027,520	992,520	1,105,650	0	-1,105,650	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
9	Tào Thị Thắm										-2,646,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Giảm trừ nhà lảng nền xi măng	m2	29	29	-	90,000	-	- 90,000	2,646,000	-	- 2,646,000	Giảm trừ đơn giá gạch lát nền theo HD 285/HD-SXD
10	Chu Văn Hồng										- 9,575,363	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Mái khung sắt, lợp tôn	m2	19	19	-	984,400	486,720	- 497,680	18,939,856	9,364,493	- 9,575,363	Áp sai đơn giá theo QĐ 02/2015
11	Nguyễn Văn Phúc - Nguyễn Thị Lý										-1,958,600	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa: 8,4*3,9	m2							1,146,600	0	-1,146,600	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa: 5,8*4	m2	23.2	0	-23.2	35,000	1,027,520	992,520	812,000	0	-812,000	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
12	Nguyễn Thị Sâm										-2,818,800	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	31.32	31.32	0	90,000	0	-90,000	2,818,800	0	-2,818,800	Giảm trừ đơn giá gạch lát nền theo HD 285/HD-SXD
13	Trần Xuân Thành - Nguyễn Thị Nga										-2,394,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	26.6	26.6	0	90,000	0	-90,000	2,394,000	0	-2,394,000	Giảm trừ đơn giá gạch lát nền theo HD 285/HD-SXD
14	Trịnh Thị Mùi	126	17								-1,050,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa 4*3,5	m2	14	0	-14	35,000	35,000	0	490,000	0	-490,000	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
	Trần nhựa 4*4	m2	16	0	-16	35,000	35,000	0	560,000	0	-560,000	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015

15	Trần Thị Thịnh										-5,985,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	66.5	66.5	0	90,000	0	-90,000	5,985,000	0	-5,985,000	Giảm trừ đơn giá gạch lát nền theo HD 285/HD-SXD
16	Phạm Văn Tiếp										-627,900	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa 3,9*4,6	m2	17.94	0	-17.94	35,000	35,000	0	627,900	0	-627,900	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
17	Trần Quốc Toàn - Lương Thị Hồng	91	25								-4,000,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Chi phí tháo dỡ, di chuyển, lấp đất	hộ							4,000,000	0	-4,000,000	Làm nina trên đất nông nghiệp, không đủ điều kiện
18	Trần Thị Luyện	160	25								-2,835,000	
b	Tài sản - Kiến trúc											
	Trần nhựa: 16,2*5	m2	81	0	-81	35,000	35,000	0	2,835,000	0	-2,835,000	Nằm trong kết cấu nhà theo QĐ 02/2015 ngày 10/3/2015
III	ĐỢT 35										- 337,556,504	
1	Lê Ngọc Hoàn										-242,560,000	
a	Bồi thường về đất											
	Bồi thường đất ở đô thị vị trí 1, tiếp giáp đường nhựa khu vực 2	m2	190.0	190.0	0	2,600,000	1,384,000	-1,216,000	494,000,000	262,960,000	-231,040,000	Áp sai đơn giá bồi thường từ vị trí 2 sang vị trí 1
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	- Nhà xây 1 tầng lợp ngói đỏ, tường 22 chịu lực, trần chất tốc xi, nền lảng xi măng: 16,0 x 8,0 = 128	m2	128.0	128.00		2,758,000	2,668,000		353,024,000	341,504,000	-11,520,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
2	Dương Thị Thu Hiền - Hoàng Văn Hòa										-13,593,360	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	* Nhà 1: nhà xây cấp 4, tường 22, mái lợp pro, trần chất tốc xi, nền lát gạch hoa: 6,4 x 6,0 = 38,4	m2	38.4	38.40		2,758,000	2,722,000		105,907,200	104,524,800	-1,382,400	Trừ chênh lệch đơn giá mái tôn và mái pro
	- Bán mái của nhà mái bằng: xây tường 10 lợp pro, nền xi măng, làm bếp + nhà vs: 5,4 x 4 = 21,6	m2	21.6	21.60		1,476,600	1,401,000		31,894,560	30,261,600	-1,632,960	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch đơn giá mái tôn và mái pro
d	Chế độ hỗ trợ											
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 2 lần giá đất trồng cây lâu năm trong bảng giá đất: 82.000đ x 2 lần = 164.000đ/m2								10,578,000	-	-10,578,000	Hưởng lương hàng tháng, không có người trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không đủ điều kiện hỗ trợ

3	Lê Thị Thanh Nhân - Nguyễn Duy Lai										-3,087,000	
	- Nhà xây cấp 4 Tường 10, mái lợp tôn lạnh, nền láng xi măng, trần hợp kim: 4,9 x 7 = 34,3	m2	34.3	34.30		2,461,000	2,371,000		84,412,300	81,325,300	-3,087,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
4	Nguyễn Thị Kim Dung - Lê Ngọc Cảnh										-2,059,200	
	- Bán mái lợp tôn xây tường 10 nền láng xi măng (để đồ hàng mã): 4,4 x 13 = 57,2	m2	57.2	57.20		984,400	948,400		56,307,680	54,248,480	-2,059,200	Trừ đơn giá gạch ceramic
7	Đỗ Thị Oanh										-5,194,800	
	- Nhà xây cấp 4 T10 mái lợp tôn lạnh nền láng xi măng, trần nhựa: 11,1 x 5,2 = 57,72	m2	57.7	57.72		2,461,000	2,371,000	-90,000	142,048,920	136,854,120	-5,194,800	Trừ đơn giá gạch ceramic
8	Đàm Đình Khôi - Hà Thị Chấn										-780,192	
	- Bán mái xây tường 10, lợp Pro xi măng, nền láng xi măng (làm bếp): 4,3 x 3,6 = 15,48	m2	15.5	15.48		984,400	934,000	-50,400	15,238,512	14,458,320	-780,192	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ phần chênh lệch mái tôn và mái pro
9	Nông Quang Khải - Lương Thị Thu										-28,851,800	
	* Nhà xây cấp 4 xây tường 22, mái lợp ngói đỏ, nền láng xi măng: 5 x 6	m2	30	30.00		2,758,000	2,668,000	-90,000	82,740,000	80,040,000	-2,700,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
	- Bán mái trước nhà xây T10, lợp tôn, nền láng xi măng làm phòng khách: 4,9 x 5	m2	24.5	24.50		1,968,800	948,400	-1,020,400	48,235,600	23,235,800	-24,999,800	Áp sai mức BT, trừ đơn giá gạch ceramic
	- Bán mái sau nhà xây tg 10, mái lợp tôn, nền xi măng làm bếp: 6,4 x 5	m2	32	32.00		984,400	948,400	-36,000	31,500,800	30,348,800	-1,152,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
10	Bùi Văn Lợi - Lò Thị Chuyên										-3,504,384	
	- Sân BTS cạnh nhà: 18 x 1,2	m2	21.6	21.60		162,240	129,792	-32,448	3,504,384	-	-3,504,384	Phần xây dựng nằm ngoài diện tích đo đạc
11	Nông Văn Thành - Lò Thị Lựu										-2,070,000	
	- Nhà xây cấp 4, tg 10, khung cột BTCT, mái lợp pro, trần nhựa, nền lát gạch hoa: 11,5 x 5	m2	57.5	57.50		2,461,000	2,425,000	-36,000	141,507,500	139,437,500	-2,070,000	Trừ chênh lệch mái tôn và mái pro
12	Bế Thị Tuyết										-4,422,600	
	- Nhà xây cấp 4, xây tường 10, mái lợp pro, nền xi măng: 9 x 3,9	m2	35.1	35.10		2,461,000	2,335,000	-126,000	86,381,100	81,958,500	-4,422,600	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch mái tôn và mái pro

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

	- Bán mái sau xây tường 10, lợp pro, nền láng xi măng: 3,2m x 4,4m = 14,08	m2	14.08	14.08	0.00	984,400	934,000	-50,400	13,860,352	13,150,720	-709,632	Tính lại đơn giá bồi thường nhà 1 tầng lợp Proximăng, Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
	- Bán mái trước xây tường 10, khung sắt lợp tôn, láng xi măng: 6,0m x 5,9m = 35,4	m2	35.40	35.40	0.00	984,400	948,400	-36,000	34,847,760	33,573,360	-1,274,400	Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
7	Lê Thị Khánh Ly – Lương Văn Kiên										-781,200	
b	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Nhà xây 3 tầng, khung BTCT, tường 20, lát gạch hoa, mái thái: *Sàn tầng 1: 14,4m x 7,0m = 100,8											
	- Bán mái sau xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, nền láng xi măng: 3,1m x 7,0m = 21,7	m2	21.70	21.70	0.00	984,400	948,400	-36,000	21,361,480	20,580,280	-781,200	Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
8	Đinh Thị Lụa										-2,497,500	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Nhà xây cấp 4, tường 10, lợp tôn, nền láng xi măng: 3,7m x 7,5m = 27,75	m2	27.75	27.75	0.00	2,461,000	2,371,000	-90,000	68,292,750	65,795,250	-2,497,500	Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
9	Nguyễn Thành Long										-1,885,590	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Nhà xây cấp 4, tường 10, khung sắt, lợp tôn, nền láng xi măng: 4,1m x 7,3m = 29,93	m2	29.93	29.93	0.00	1,722,700	1,659,700	-63,000	51,560,411	49,674,821	-1,885,590	Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
10	Nguyễn Thị Vui – Phạm Trung Tuyển										-28,840,500	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Đá ốp bậc cầu thang: 0,85m x 2,9m x 52 bậc = 128,18	m2	128.18	64.1	-64.09	450,000	450,000	0	57,681,000	28,840,500	-28,840,500	Kiểm đếm lại chiều dài và chiều rộng chiếu nghỉ cầu thang để tính chiều dài và chiều rộng đá ốp bậc cầu thang
11	Tô Thị Tâm										-9,000,000	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Nhà xây cấp 4, tường 10, hồi 22, lợp tôn, nền láng xi măng: 5,0m x 20,0m = 100	m2	100.00	100.00	0.00	2,461,000			246,100,000	237,100,000	-9,000,000	Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
12	Thái Ngọc Linh – Hoàng Thanh Thảo										-32,366,880	
b	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Mái chống nóng khung sắt, lợp tôn: 19,0m x 8,5m = 161,5	m2	161.50	95.00	-66.50	486,720	486,720	0	78,605,280	46,238,400	-32,366,880	xem lại kiểm đếm, mặt bằng sân mái tầng 2 thể hiện trên giấy phép xây dựng chỉ có 95,00 m2, DT đất ở thu hồi là 110,00 m2
13	Phạm Thị Mai (Thừa kế Phạm Duy Ước)										-3,724,200	
b	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Bán mái trước xây tường 20, khung sắt, lợp tôn, láng xi măng: 3,6m x 5,0m = 18	m2	18.00	18.00	0.00	1,654,800	1,600,800	-54,000	29,786,400	28,814,400	-972,000	Tính lại đơn giá bồi thường nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
	- Nhà xây cấp 4, tường 20, lợp pro, lát gạch hoa: 7,1m x 8,5m = 60,35	m2	60.35	60.35	0.00	2,758,000	2,722,000	-36,000	158,038,429	155,865,829	-2,172,600	Tính lại đơn giá bồi thường nhà 1 tầng lợp Proximăng

[illegible]

	- Bán mái trái xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, nền BTS: 13 x 2,5	m2	32.5	32.50	0.00	984,400	948,400	-36,000	31,993,000	30,823,000	-1,170,000	Tính lại đơn giá bồi thường nền bê tông sỏi giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
	- Gara ô tô xây tg 10 khung sắt, lợp tôn, nền BTS: (4,2m x 3,1m) + (10,5m x 4,0m) (Phần điều chỉnh bổ sung theo Quyết định 279)	m2	55.0	55.02	0.00	984,400	948,400	-36,000	54,161,688	52,180,968	-1,980,720	Tính lại đơn giá bồi thường nền bê tông sỏi giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
21	Phạm Văn Hữu										-1,085,400	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Bán mái sau nhà xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, nền BTS: 2,9m x 3,5m = 10,15	m2	10.2	10.15	0.00	984,400	948,400	-36,000	9,991,660	9,626,260	-365,400	Tính lại đơn giá bồi thường nền bê tông sỏi giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
	- Bán mái trước nhà xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, nền láng xi: 4,0m x 5,0m = 20	m2	20.0	20.00	0.00	984,400	948,400	-36,000	19,688,000	18,968,000	-720,000	Tính lại đơn giá bồi thường nền bê tông sỏi giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
22	Trần Chùng Điệp – Hà Thị Việt Hà										-702,000	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Nhà xây 3 tầng, khung BTCT, mái BTCT, tường 20, nền lát gạch hoa											
	- Bán mái sau xây tường 10, khung sắt lợp tôn, láng xi măng: 5,0m x 2,6m = 13	m2	13.0	13.00	0.00	1,476,600	1,422,600	-54,000	19,195,800	18,493,800	-702,000	Tính lại đơn giá bồi thường nền bê tông sỏi giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
23	Lã Vũ Quang – Trịnh Thị Thanh										-105,019,737	
	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Tường bao xây tường 10: 7,4m x 19,8m x 3,1 cả móng = 454,212	m2	454.2	84.32	-369.89	283,920	283,920	0	128,959,871	23,940,134	-105,019,737	Căn cứ diện tích đất trên bản đồ quy chủ, quá trình lập dự toán khối lượng đền bù tường bao xây tường 10 không kiểm tra lại dẫn đến tính sai số học chiều dài tường bao
24	Trịnh Xuân Hòn – Vũ Thị Dư										-936,000	
b	Tài sản - vật kiến trúc											
	- Bán mái trước nhà xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, nền BTS: 5,0m x 5,2m = 26	m2	26.0	26.00	0.00	984,400	948,400	-36,000	25,594,400	24,658,400	-936,000	Tính lại đơn giá bồi thường nền bê tông sỏi giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
VI	ĐQT 56										-113,651,040	
1	Trần Văn Lễ - Vũ Thuý Mùi											
b	Tài sản, vật kiến trúc											
*	Thửa 156											
-	Nhà 1 tầng lợp ngói đỏ, cột BTCT, tường 22 trần thạch cao giạt cấp, nền lát gạch hoa	m2	190.3	158	-32.3	2,596,000	2,596,000	-	493,966,880	410,168,000	-83,798,880	Tính toán sai số học
*	Thửa 146											
-	Sân BTS	m2	184	0	-184	162,240	162,240	-	29,852,160	-	-29,852,160	Diện tích sân vượt diện tích đất đền bù
VII	ĐQT 57										-69,162,002	
1	Nguyễn Đức Mạnh - Nguyễn Thị Trâm										-9,672,300	
	*Thửa 38											
	Nhà lợp ngói xây T22, nền láng xi măng, có hiên BTCT	m2	48	48		2,893,000	2,803,000	-90,000	138,864,000	134,544,000	-4,320,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Nhà xây tường 22, mái bằng, nền láng xi măng	m2	19.27	19.27		3,028,000	2,938,000	-90,000	58,349,560	56,615,260	-1,734,300	Trừ đơn giá gạch ceramic

	Bán mái lợp pro, xây tường 10, nền láng xi măng	m2	19.2	19.2		1,476,600	1,401,000	-75,600	28,350,720	26,899,200	-1,451,520	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch đơn giá mái lợp tôn và mái pro
	<i>*Thửa 9</i>											
	Kho chứa gỗ lợp tôn xây T10, láng xi măng: 10,2 x 5,9	m2	60.18	60.18		984,400	948,400	-36,000	59,241,192	57,074,712	-2,166,480	Trừ đơn giá gạch ceramic
3	Nguyễn Đức Tân										-1,853,280	
	<i>* Thửa 2</i>											
	Phòng trọ số 2, xây T10, cột BTCT trần nhựa mái lợp pro xi măng, nền lát gạch hoa: 7,8 x 6,6	m2	51.48	51.48		2,461,000	2,425,000	-36,000	126,692,280	124,839,000	-1,853,280	Trừ chênh lệch đơn giá mái lợp tôn và mái pro
4	Lê Thị Lịch- Cao Đăng Bình										-4,770,000	
	<i>* Thửa 42</i>											
	* Nhà xây 2 tầng, mái bằng, tường 20, Cột BTCT, nền xi măng											
	+ Sàn Tầng 1: 5,0 x 10,6	m2	53	53		4,272,000	4,182,000	-90,000	226,416,000	221,646,000	-4,770,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
5	Cao Đăng Minh										-1,058,400	
	- Bán mái của nhà 2 tầng mái bằng, xây tường 10, mái lợp pro, nền xi măng: 10,6 x 4,5	m2	14.0	14.0		1,476,600	1,401,000	-75,600	20,672,400	19,614,000	-1,058,400	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch mái tôn và mái pro
6	Lương Quý Kết - Đặng Thị Cải										-3,465,000	
	Nhà cấp 4, xây tường 12, mái lợp pro xi măng, nền láng xi măng	m2	27.5	27.5		2,461,000	2,335,000	-126,000	67,677,500	64,212,500	-3,465,000	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch mái tôn và mái pro
7	Trần Văn Hà - Ngô Thị Minh Thu										-3,636,360	
	Nhà một tầng, mái lợp pro xi măng tường 22, khung cột bê tông cốt thép, nền láng xi măng: 7,8 x 3,7	m2	28.9	28.9		3,245,000	3,119,000	-126,000	93,650,700	90,014,340	-3,636,360	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch mái tôn và mái pro
8	Trần Văn Điện - Dương Thị Tâm										-846,720	
	* Bán mái sau nhà làm bếp + vệ sinh, mái lợp pro, nền láng xi măng, tg 10: 3,2 x 3,5	m2	11.2	11.2		1,476,600	1,401,000	-75,600	16,537,920	15,691,200	-846,720	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ chênh lệch mái tôn và mái pro
9	Nguyễn Thị Trang - Chu Thanh Hà										-43,859,942	
	<i>*Thửa 88</i>											
	* Bán mái khung sắt lợp tôn, thưng tôn, tường lửng, nền xi măng làm phòng ngủ: 5,7 x 3	m2	80.8	17.1		689,080	689,080	0	55,643,210	11,783,268	-43,859,942	Tính sai khối lượng
VIII	ĐỢT 61										7,814,004	
1	Khúc Văn Chính										8,429,600	
	Nhà xây cấp 4 tường 10 đổ cột BTCT lợp tôn nền lát gạch hoa có hiện bằng BTCT: 10,1x4,5 (có trần nhựa)	m2	45.45	45.45	0	2,461,000	3,245,000		111,852,450	147,485,250	35,632,800	Áp sai đơn giá nhà
	Trừ đơn giá tường 10	m2			91.39			-255,528			-23,352,704	
	Sân bê tông sỏi trước nhà	m2	35.6	35.6	0	108,160	-		3,850,496	-	-3,850,496	Phần xây dựng vượt diện tích đo đạc
2	Đồng Văn Khăm										-33,652,784	
	Bán mái trước nhà lợp tôn tường 10 nền láng xi măng: 11,2 x 4,1	m2	45.92	45.92	0	787,520	758,720		36,162,918	34,840,422	-1,322,496	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái sau nhà xây tường 10, thưng tôn, lợp tôn,nền láng xi măng: 10,1 x 15,5	m2	156.55	156.55	0	551,264	531,104		86,300,379	83,144,331	-3,156,048	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Kè ao xây tường 10 xung quanh ao: 24,1 x 2,5 cả móng	m3	61.25	61.25	0	757,120	346,112		46,373,600	21,199,360	-25,174,240	Tính lại đơn giá

	Trường hợp phải di chuyển nhà, tài sản khác trên đất bị thu hồi được hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt theo hộ								4,000,000	-	-4,000,000	Làm nhà trên đất nông nghiệp, không được hỗ trợ.
3	Võ Văn Thường										-4,804,548	
	Bán mái sau nhà lợp tôn tường 10 nền láng xi măng: 8,1 x 5,2 (phần nằm trên đất ờ)	m2	10.72	10.72		984,400	948,400		10,552,768	10,166,848	-385,920	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái sau nhà lợp tôn tường 10 nền láng xi măng: 8,1 x 5,2 (phần nằm ngoài đất ờ)	m2	31.4	31.4		787,520	758,720		24,728,128	23,823,808	-904,320	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái trước nhà lợp tôn xây tường 10+ thưng tôn nền láng xi măng: 3,5 x 5,1	m2	17.85	17.85		984,400	787,520		17,571,540	14,057,232	-3,514,308	Thưng tôn áp 80%
4	Lò Ngọc Duy										-4,000,000	
	Trường hợp phải di chuyển nhà, tài sản khác trên đất bị thu hồi được hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt theo hộ								4,000,000	-	-4,000,000	Làm nhà trên đất nông nghiệp, không được hỗ trợ.
5	Phan Văn Trường										2,386,102	
	Cho con là: Phan Văn Hòa											
	Nhà cấp 4 lợp ngói tường 10, cột BTCT nền láng xi măng: 8,3 x 5,0	m2	41.5	41.5		2,596,000	3,155,000		107,734,000	130,932,500	23,198,500	Tính lại giá nhà, trừ đơn giá gạch ceramic
	Trừ đơn giá tường 10	m2			79.9			-255,528			-20,421,798	
	Bán mái trước nhà tường 10 thưng tôn, lợp tôn nền láng xi măng: 3,1 x 5,0		15.5	15.5		689,080	663,880		10,680,740	10,290,140	-390,600	Trừ đơn giá gạch ceramic
6	Phan Thị Nguyệt: Thừa 34										10,103,586	
	Nhà cấp IV lợp tôn tường 10, cột BTCT, nền lát gạch hoa cửa kính chịu lực (chiều cao nhà 3,7m): 11,7 x 5,0	m2	58.5	58.5		2,596,000	3,245,000		151,866,000	189,832,500	37,966,500	Tính lại đơn giá nhà, trừ đơn giá gạch ceramic
	Trừ đơn giá tường 10	m2			105.08			-255,528			-26,850,882	
	Bán mái sau nhà tường 10, thưng tôn lợp tôn nền láng xi măng: 6,5 x 5,0 (nằm trong diện tích đất ờ)	m2	3.3	3.3		689,080	663,880		2,273,964	2,190,804	-83,160	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái sau nhà tường 10, thưng tôn lợp tôn nền láng xi măng: 6,5 x 5,0 (nằm ngoài diện tích đất ờ)	m2	29.2	29.2		551,264	531,104		16,096,909	15,508,237	-588,672	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái trước nhà lợp tôn, thưng tôn nền láng xi măng: 2,7 x 5,0	m2	13.5	13.5		689,080	663,880		9,302,580	8,962,380	-340,200	Trừ đơn giá gạch ceramic
7	NGUYỄN VĂN THỰC										-806,400	
	Bán mái trước nhà xây tường 10+khung sắt lợp tôn nền láng xi măng: 5,0x5,0 (nằm trên đất ờ)	m2	12.0	12.0		984,400	948,400		11,812,800	11,380,800	-432,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái trước nhà xây tường 10+khung sắt lợp tôn nền láng xi măng: 5,0x5,0 (nằm ngoài đất ờ)	m2	13.0	13.0		787,520	758,720		10,237,760	9,863,360	-374,400	Trừ đơn giá gạch ceramic
8	DƯƠNG THỊ DUYỀN -DƯƠNG XUÂN CÁT										25,169,603	
	Trường hợp phải di chuyển nhà, tài sản khác trên đất bị thu hồi được hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt theo hộ								4,000,000	-	-4,000,000	Làm nhà trên đất nông nghiệp, không được hỗ trợ.
	Nhà xây cấp 4 tường 10 khung cột BTCT nền lát gạch hoa lợp tôn trần nhựa: 15,0x6,7	m2	100.5	100.5		2,609,500	3,245,000		262,254,750	326,122,500	63,867,750	
	Trừ đơn giá tường 10	m2			135.8			-255,528			-34,698,147	

[illegible]

[illegible]

	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	91.1	91.1	0	116,000	-	-116,000	10,567,600	-	-10,567,600	Chưa giảm trừ lảng nền xi măng theo hướng dẫn số 285/HD-SXD
9	Bùi Khắc Mạnh - Trần Thị Ngo										-10,567,600	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	91.1	91.1	0	116,000	-	-116,000	10,567,600	-	-10,567,600	Chưa giảm trừ lảng nền xi măng theo hướng dẫn số 285/HD-SXD
10	Vi Thị Luyện										5,737,500	
	Nhà xây mái bằng tường 20, nền lát gạch hoa	m2	42.5	42.5	0	2,893,000	3,028,000	135,000	122,952,500	128,690,000	5,737,500	Áp sai đơn giá theo qđ số 02/2015
X	Đợt 64										-26,982,189	
1	Lê Thị Hương Giang										-1,836,000	
a	Bồi thường về đất											
	Bán mái sau xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, lảng xi măng:	m2	20.5	20.5		984,400	948,400	-36,000	20,180,200	19,442,200	-738,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái sau xây tường 10, khung sắt, lợp tôn, lảng xi măng: 6,1m x 5,0m = 30,5	m2	30.5	30.5		984,400	948,400	-36,000	30,024,200	28,926,200	-1,098,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
2	Đinh Thị Duyên - Chu Văn Hà										-2,141,568	
	Sân BTS	m2	13.2	-	-13	162,240	162,240	0	2,141,568	-	-2,141,568	Nằm ngoài diện tích đo đạc
3	Nguyễn Văn Chiến										-954,000	
	- Bán mái trước xây tường 10, khung sắt lợp tôn, lảng xi: 5,0m x 5,3m = 26,5	m2	26.50	26.50		984,400	948,400	-36,000	26,086,600	25,132,600	-954,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
4	Thái Thị Hiền - Bùi Việt Hạnh										-828,000	
	- Bán mái trước nhà xây tường 10, lợp tôn, nền xm: 5 x 4,6	m2	23.0	23.0		984,400	948,400	-36,000	22,641,200	21,813,200	-828,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
5	Bùi Ngọc Cương										-5,119,920	
	- Nhà xây 1 tầng, T11, lợp tôn, nền lảng xi măng: 5.2 x 8.3	m2	43.16	43.16		2,461,000	2,371,000	-90,000	106,216,760	102,332,360	-3,884,400	Trừ đơn giá gạch ceramic
	- Bán mái T11, lợp tôn, nền lảng XM	m2	34.3	34.3		984,400	948,400	-36,000	33,784,608	32,549,088	-1,235,520	Trừ đơn giá gạch ceramic
6	Trần Thanh Hải - Vi Thị Thắm										-3,942,125	
	Nhà 1 tầng lợp tôn, tg 11, không trần nền lảng xi măng (XD năm 2015) : 6,1x5,5	m2	33.6	33.6		2,461,000	2,343,500	-117,500	82,566,550	78,624,425	-3,942,125	Trừ đơn giá gạch ceramic, trừ đơn giá trần nhựa
	Đợt 64 lần 2											
7	Lê Văn Anh - Nguyễn Thị Dung										-5,035,536	
	Nhà gỗ, lợp tôn, nền lảng xi măng: 8,5 x 6,6	m2	56.1	56		1,189,760	1,100,000	-89,760	66,745,536	61,710,000	-5,035,536	Áp sai đơn giá nhà
8	Nguyễn Thành Trung - Đỗ Thị Gái										-7,125,040	
	Nhà tắm + nhà vệ sinh mái BTCT, tường 10, lát gạch hoa	m2	8.5	0	-9	838,240	838,240	0	7,125,040	-	-7,125,040	Nằm ngoài diện tích đo đạc
XI	ĐQT 67										-166,404,534	
1	Mai Thị Hoài										-4,000,000	
d	Chính sách hỗ trợ											
	Phải di chuyển nhà, tài sản khác trên đất bị thu hồi được hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt theo hộ	Hộ	1	0	-1	4,000,000	4,000,000	0	4,000,000	0	-4,000,000	Làm nhà trên đất nông nghiệp không được hỗ trợ (Căn cứ khoản 3, Điều 8 Quyết định 10/2020/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên

[illegible]

-	Sàn tầng 2 (phần nằm ngoài diện tích được giao)	m2	48.1	9	-39.1	2,920,000	2,920,000	0	140,452,000	26,280,000	-114,172,000	Tính sai số học khối lượng sàn
-	Bê tông cốt thép	m3	8.4	0.84	-7.56	1,892,800	1,892,800	0	15,899,520	1,589,952	-14,309,568	Áp sai đơn vị tính từ m3 sang m2
2	Nguyễn Thị Thiết - Nguyễn Văn Nhuận										-5,664,600	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	37.9	37.9	0	90,000	-	-90,000	3,411,000	-	-3,411,000	Giảm trừ theo HD số 285/HD-SXD
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	31.3	31.3	0	72,000	-	-72,000	2,253,600	-	-2,253,600	Giảm trừ theo HD số 285/HD-SXD
3	Trần Thị Lệ Quý										-6,465,600	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	60	60	0	90,000	-	-90,000	5,400,000	-	-5,400,000	Giảm trừ theo HD số 285/HD-SXD
	Giảm trừ lảng nền xi măng	m2	14.8	14.8	0	72,000	-	-72,000	1,065,600	-	-1,065,600	Giảm trừ theo HD số 285/HD-SXD
4	Quảng Văn Lã - Quảng Thị Pân										-24,079,320	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Tầng 2: Sàn tầng 2 tường 11 lớp tôn, nền lát gạch	m2	42.2	42.2		2,853,000	2,282,400	-570,600	120,396,600	96,317,280	-24,079,320	Áp sai tỷ lệ bồi thường đối với diện tích nằm ngoài đất ở (42,2m2)
5	Phạm Văn Sơn										-15,806,400	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Sàn tầng 1	m2	18.5	18.5	0	4,272,000	3,417,600	-854,400	79,032,000	63,225,600	-15,806,400	Áp sai tỷ lệ bồi thường đối với diện tích nằm ngoài đất ở (18,5 m2)
6	Phạm Công Tài										-202,978,246	
a	Bồi thường về đất											
-	Bồi thường về đất: Loại đường đất ở "Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến hết gara ô tô Châu Sương" Vị trí 1	m2	75	75		6,360,000	6,360,000	0	-	-	0	-
-	Bồi thường về đất: Loại đường đất ở "Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến hết gara ô tô Châu Sương" Vị trí 1	m2	30	30		13,060,000	6,360,000	-6,700,000	391,800,000	190,800,000	-201,000,000	Áp sai đơn giá đất
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà vệ sinh mái bằng	m2	11.8	11.8	0	838,240	670,592	-167,648	9,891,232	7,912,986	-1,978,246	Áp sai đơn giá nằm ngoài diện tích đất ở
7	Đào Thị Phượng										-49,356,473	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Giảm trừ tường 10	m2							27,542,511	- 27,542,511	-55,085,022	Sai số học
	Diện tích sàn tầng 2 (chiều cao 4,3m) - nằm trên đất ở	m2	8	8	0	4,272,000	4,373,714	101,714	34,176,000	34,989,714	813,714	Áp sai đơn giá nhà cao 4,3m
	Diện tích sàn tầng 2 (chiều cao 4,3m) - nằm ngoài đất ở	m2	60.4	60.4	0	3,417,600	3,498,971	81,371	206,423,040	211,337,874	4,914,834	
XIII	ĐỢT 75										- 390,695,195	
1	Vũ Văn Linh										-13,645,195	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Giảm trừ tường 11								7,512,523	-6,132,672	-13,645,195	Nhầm số học
2	Như Ngọc Thắng											
a	Bồi thường về đất										-377,050,000	
	Bồi thường đất ở, vị trí 1, Đường Nguyễn Hữu Thọ (phía đông cảng hàng không): vị trí 1	m2	100	100		13,060,000	6,360,000	-	1,306,000,000	636,000,000	-670,000,000	Áp sai đơn giá đất

	Bồi thường đất ở, vị trí 2, Đường Nguyễn Hữu Thọ (phía đông cảng hàng không): vị trí 1	m2	45	45		6,550,000	13,060,000	-	294,750,000	587,700,000	292,950,000	Áp sai đơn giá đất
XIV	ĐQT 58										- 22,672,986	
1	Phạm Thị Chung										-2,808,000	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà xây 1 tầng lợp tôn tường 11, hồi 22, nền xi măng	m2	31.2	31.2		2,461,000	2,371,000	-90,000	76,783,200	73,975,200	-2,808,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
2	Trần Thế Hường- Nguyễn Thị Lan										-4,813,297	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà xây 1 tầng tường 11 lợp tôn, nền láng xi măng (cao 3,0): 0,7x6,0	m2	65.96	65.96		1,995,405	1,922,432		131,616,941	126,803,643	-4,813,297	Trừ đơn giá gạch ceramic
3	Dương Thị Xiêm - Bùi Văn Quý										-4,326,714	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Thửa số 42											
	Bán mái tường 22, lợp tôn, nền xi măng, trần nhựa	m2	37.8	37.8		1,654,800	1,600,800	-54,000	62,551,440	60,510,240	-2,041,200	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Thửa số 46											
	Nhà 1 tầng, lợp tôn, tường 11, hồi 22, nền xi măng, cao 2,9m	m2	32.4	32.4		1,928,892	1,858,351	-70,541	62,496,097	60,210,584	-2,285,514	Trừ đơn giá gạch ceramic
4	Trần Văn Được - Phạm Thị Nguyệt										-3,807,000	
c	Cây trồng vật nuôi											
	Nhà 1 tầng lợp tôn, hồi 22, không trần, nền láng xi măng	m2	32.4	32.4		2,461,000	2,343,500	-117,500	79,736,400	75,929,400	-3,807,000	Trừ đơn giá gạch ceramic và trần nhựa
5	Hà Văn Duy										-4,000,000	
d	Chính sách hỗ trợ											
	Hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển	hộ	1.00	-	-1.00	4,000,000	4,000,000		4,000,000	-	-4,000,000	Làm nhà trên đất nông nghiệp không được hỗ trợ (Căn cứ khoản 3, điều 8, Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên
6	Nguyễn Văn Huân										-2,917,975	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà 1 tầng lợp ngói tường 11, hồi 22, nền láng xi măng cao 2,7 : 5,0x4,5		26.10	26.10		1,795,865	1,730,189		46,872,073	45,157,938	-1,714,135	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái xây tường 11 ,lợp pro,nền xi măng : (2,4x8,1)+(4x3,5)		33.44	33.44		984,400	948,400		32,918,336	31,714,496	-1,203,840	Trừ đơn giá gạch ceramic
XV	ĐQT 59										- 55,944,697	
1	Nguyễn Thị Như				-			-			-846,000	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-			0	
	Bán mái tường 11, lợp tôn, nền xi măng: 5x4,7	m2	23.50	23.50	0.00	984,400	948,400	-36,000	23,133,400	22,287,400	-846,000	Đơn giá bồi thường là đơn giá cho nhà có nền lát gạch ceramic, nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
2	Hà Tuấn Anh				-			0			-566,744	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	
	Nhà 1 tầng lợp tôn, tường 11, không trần, nền lát gạch hoa: 5,07 x 4,7 (cao 3,2)	m2	23.83	23.83	0.00	2,128,432	2,104,649	-23,784	50,718,416	50,151,673	-566,744	Đơn giá bồi thường là đơn giá cho nhà có trần nhựa, nhà không trần giảm trừ phần giá vật liệu trần nhựa
3	Hoàng Thị Minh Châu				-			0			-4,970,536	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	

	Nhà xây 1 tầng lợp tôn tường 11, hồi 22 không trần, nền láng xi măng, (cao 3,3m) : 5,1x9,3	m2	47.43	47.43	0.00	2,194,946	2,090,149	-104,797	104,106,286	99,135,750	-4,970,536	Đơn giá bồi thường là đơn giá cho nhà có nền lát gạch ceramic, nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic, nhà không trần giảm trừ phần vật liệu trần nhựa
4	Hoàng Ngọc Phương-Lê Thị Kịu				-			0			-23,342,000	
a	Bồi thường về đất				-			0			0	
	Bồi thường đất ở, giáp giáp đoạn ngã ba trung đoàn 741 vị trí 1	m2	194.0	172.0	- 22.0	2,300,000	2,300,000	0	446,200,000	395,600,000	-50,600,000	Áp sai vị trí đất theo quyết định 53 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên
	Bồi thường đất ở, giáp giáp đoạn ngã ba trung đoàn 741 vị trí 2	m2	6.0	28.0	22.0	1,239,000	1,239,000	0	7,434,000	34,692,000	27,258,000	
5	Nguyễn Thị Dung-Mai Xuân Chính				-			0			-594,000	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	
	Bán mái làm bếp T11, lợp tôn, nền xi măng: 3,3 x 5	m2	16.50	16.50	0.00	984,400	948,400	-36,000	16,242,600	15,648,600	-594,000	Trừ đơn giá gạch ceramic
6	Tông Văn Xương-Nguyễn Thị Thế				-			0			-1,609,711	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	
	- Nhà 1 tầng, lợp ngói, tường 11, hồi 22, trần nhựa, nền láng xi măng, (cao 2,7 m): 5,7 x 4,3	m2	24.51	24.51	0.00	1,795,865	1,730,189	-65,676	44,016,648	42,406,937	-1,609,711	Đơn giá bồi thường là đơn giá cho nhà có nền lát gạch ceramic, nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
7	Phạm Đình Sang				-			0			-2,318,243	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	
	Nhà 1 tầng, T11, hồi 22, không trần, lợp tôn, nền láng xi măng (cao 2,5): 7,3 x 4	m2	29.20	29.20	0.00	1,662,838	1,583,446	-79,392	48,554,865	46,236,622	-2,318,243	Đơn giá bồi thường là đơn giá cho nhà có nền lát gạch ceramic, nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic, nhà không trần giảm trừ phần vật liệu trần nhựa
8	Bùi Quang Viên-Hoàng Thị Chung				-			0			-3,996,486	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	
	Nhà 1 tầng, lợp tôn T11, hồi 22, trần nhựa, nền láng xi măng, cao 3,1m: 5 x 10,6	m2	53.00	53.00	0.00	2,061,919	1,986,514	-75,405	109,281,703	105,285,216	-3,996,486	Đơn giá bồi thường là đơn giá cho nhà có nền lát gạch ceramic, nền láng xi măng giảm trừ phần giá vật liệu gạch ceramic
9	Bùi Thị Kim Tuyến				-			0			-628,301	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	
	- Nhà 1 tầng, lợp tôn, tường 11, nền lát gạch hoa không trần, cao 2,9 m: 5,5 x 5,3	m2	29.15	29.15	0.00	1,928,892	1,907,338	-21,554	56,227,199	55,598,898	-628,301	nhà không trần giảm trừ phần vật liệu trần nhựa
10	Hoàng Công Thành				-			0			-864,000	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			0			0	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

	Nhà xây lợp ngói, tường 11, hồi 22, trần nhựa, nền láng xi măng, cao 2,8m	m2	21.06	21.06		1,862,378	1,794,270		39,221,689	37,787,332	-1,434,357	Trừ đơn giá gạch ceramic
3	Trần Ngọc Dung-Hoàng Thị Thảo										-2,524,500	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà xây 1 tầng, lợp tôn tầng 11, không trần, nền lát gạch hoa	m2	91.8	91.8	0.00	2,461,000	2,433,500	-27,500	225,919,800	223,395,300	-2,524,500	Trừ đơn giá trần nhựa
4	Hà Phương Linh										-3,676,500	
b	Tài sản, vật kiến trúc								-			
	Nhà 1 tầng, tường 11, lợp tôn, nền láng xi măng	m2	40.85	40.85	0.00	2,461,000	2,371,000		100,531,850	96,855,350	-3,676,500	Trừ đơn giá gạch ceramic
5	Lê Khắc Hạnh-Khúc Thị Suý										-2,099,676	
b	Tài sản, vật kiến trúc								-	-		
	Nhà 1 tầng, lợp tôn, có hiên BTCT tường 22, trần nhựa, nền láng xi măng, cao 2,6	m2	33.2	33.2		2,032,919	1,969,676	-63,243	67,492,908	65,393,232	-2,099,676	Trừ đơn giá gạch ceramic
6	Lò Văn Bun-Hà Thị Nguyệt										-5,920,678	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Bệ bếp xây BTCT	m3	3.68	0.552	-3.13	1,892,800	1,892,800	0	6,965,504	1,044,826	-5,920,678	Phương pháp tính không đúng dẫn đến sai khối lượng
7	Trần Văn Phương-Phạm Thị Thắm										-2,173,875	
b	Tài sản, vật kiến trúc								-			
	Nhà 1 tầng, lợp tôn, tường 11, hồi 22, nền lát gạch hoa, không trần	m2	79.05	79.05	0.00	2,461,000	2,433,500	-27,500	194,542,050	192,368,175	-2,173,875	Trừ đơn giá trần nhựa
XVIII	ĐQT 65										- 119,786,628	
1	Nguyễn Thị Thuý										-3,694,205	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Sân BT + lát gạch	m2	113.85	113.85		162,240	129,792	-32,448	18,471,024	14,776,819	-3,694,205	Trừ phần diện tích nằm ngoài diện tích thu hồi
2	Đình Văn Bình										-7,174,925	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà 1 tầng, lợp tôn, nền láng xi măng, T11, hồi 11	m2	25.01	25.01		2,461,000	2,371,000	-90,000	61,549,610	59,298,710	-2,250,900	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Giảm trừ hồi 11	m2			19.27			-255,528			-4,924,025	Giảm trừ tường 10
3	Hoàng Thị Hồng Nhung										-27,896,723	
a	Bồi thường về đất											
-	Bồi thường đất ở, tiếp giáp đường đất cấp phối từ 3-5m; vị trí 2	m²	48	48	0	1,900,000	952,000	-948,000	91,200,000	45,696,000	-45,504,000	Áp sai đơn giá bồi thường vị trí 2 sang vị trí 1
b	Tài sản, vật kiến trúc											
	*Thửa số 16											
	Nhà 1 tầng, lợp tôn, tường 10, hồi 22, không trần, nền láng xi măng cao 3m	m2	28.98	28.98		1,968,800	1,520,108	-448,692	57,055,824	44,052,733	-13,003,091	Trừ đơn giá gạch ceramic
	Bán mái T10, lợp tôn, nền láng xi măng	m2	38.39	38.39		787,520	758,720	-28,800	30,232,893	29,127,261	-1,105,632	Trừ đơn giá gạch ceramic
	* Thửa số 74											
	Bán mái T10, lợp tôn, nền láng xi măng	m2	28	28		984,400	948,400		27,563,200	26,555,200	-1,008,000	Trừ đơn giá gạch ceramic

[illegible]

-	Trần nhựa 3,7x14,5	m2	53.65	-	(53.65)	27,500	27,500	-	1,475,375	-	(1,475,375)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
5	Trần Đình Căn, Lê Thị Bút										(6,705,688)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Trần nhựa	m2	18.60	-	(18.60)	27,500	27,500	-	511,500	-	(511,500)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
-	Tấm đan BTCT trước cửa:	m3	3.85	0.58	(3.27)	1,892,800	1,892,800	-	7,287,280	1,093,092	(6,194,188)	Tính toán sai khối lượng bồi thường tấm đan bê tông do biên bản kiểm đếm ghi thiếu chiều dày tấm đan.
6	Lê Bá Long, Trần Thị Nhung										(915,750)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Trần nhựa	m2	33.30	-	(33.30)	27,500	27,500	-	915,750	-	(915,750)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
7	Hà Bình Minh										(1,925,000)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
	Trần nhựa	m2	70.00	-	(70.00)	27,500	27,500	-	1,925,000	-	(1,925,000)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
8	Nguyễn Thị Minh Thắng										(2,050,125)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Trần nhựa	m2	74.55	-	(74.55)	27,500	27,500	-	2,050,125	-	(2,050,125)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
9	Đinh Kiên Giang, Nông Thị Vân										(1,346,400)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Trần nhựa	m2	48.96	-	(48.96)	27,500	-	-	1,346,400	-	(1,346,400)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
10	Nguyễn Thị Lua										(522,500)	
b	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Trần nhựa	m2	19.00	-	(19.00)	27,500	-	-	522,500	-	(522,500)	Trừ do đơn giá nhà đã bao gồm trần nhựa
11	Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Văn Bình										(24,880,000)	
a	Bồi thường về đất											
-	Bồi thường đất ở đô thị vị trí 2 tiếp giáp đường nhựa khu vực 2 mục 5		20.0	20.0		2,600,000	1,356,000	(1,244,000)	52,000,000	27,120,000	(24,880,000)	Xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường theo quy định 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên.
XX	ĐQT 26										(6,916,565)	
1	Vũ Đức Sơn, Phạm Thị Thoa										(2,376,000)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà xây cấp 4 xây T10 mái lợp tôn, nền láng xi măng	m2	26.4	26.4	-	2,461,000	2,371,000	(90,000)	64,970,400	62,594,400	(2,376,000)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh
2	Bùi Thanh Hùng										(4,356,000)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà xây cấp 4 tường 10, mái lợp tôn lạnh,nền láng xi măng	m2	48.4	48.4	-	2,461,000	2,371,000	(90,000)	119,112,400	114,756,400	(4,356,000)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh
3	Trần Trung Chiến										2,294,035	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà xây cấp 4 tường 11, lợp ngói đỏ, nền xi măng	m2	19.24	19.24	-	2,461,000	2,371,000	(90,000)	47,349,640	45,618,040	(1,731,600)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Bán mái trước nhà tường 10 khung sắt nền lát xi măng lợp tôn	m2	10.0	10.0		787,520	758,720	(28,800)	7,875,200	7,587,200	(288,000)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng
15	Phạm Thị Hồng Hạnh, Vũ Mạnh Hà										(532,095)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Tum xây mái bằng tường 10 nền BT (trên mái nhà): 3,5x2,5xcao 2,5	m2	8.75	8.75		2,045,946	1,985,135	(60,811)	17,902,027	17,369,932	(532,095)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng
16	Phạm Trung Thành										(905,328)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Bán mái sau nhà lợp tôn tường 10 nền láng xi măng	m2	12.50	12.50		984,400	948,400	(36,000)	12,305,000	11,855,000	(450,000)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng
-	Bán mái trước nhà xây tường 10 khung sắt nền láng xi măng (nằm trên đất NN)	m2	15.81	15.81		787,520	758,720	(28,800)	12,450,691	11,995,363	(455,328)	Trừ đơn giá gạch ceramic theo hướng dẫn số 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng
17	Nguyễn Đức Biển, Nguyễn Thị Từ										(8,788,000)	
a	Tài sản, vật kiến trúc											
-	Nhà cột gỗ vuông xây tường 10 hồi 22 lợp ngói nền láng xi măng	m2	50	50	-	1,189,760	1,014,000	(175,760)	59,488,000	50,700,000	(8,788,000)	Áp đơn giá không phù hợp với loại kết cấu nhà theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh

BIỂU CHI TIẾT SAI PHẠM CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN - CÁC PHƯƠNG ÁN ĐẤT LỬA
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Họ tên	ĐV tính	Khối lượng			Đơn giá			Thành tiền			Nguyên nhân chênh lệch
			Thanh toán	Kiểm tra	Chênh lệch	Thanh toán	Kiểm tra	Chênh lệch	Thanh toán	Kiểm tra	Chênh lệch	
	TỔNG CỘNG										- 5,274,597,280	
I	ĐỢT 27										- 411,460,560	
1	Cao Đăng Nhiều-Đào Thị Phèo										- 126,900,000	
a	Bồi thường về đất											
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	375.0	-	- 375.0	84,000	84,000	-	31,500,000	-	- 31,500,000	Đất của ông Cao Đăng Manh người nhận, quí chủ đền bù cho ông Cao Đăng Nhiều
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	211.6	211.6		84,000	84,000		17,774,400	17,774,400		
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-	-	
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-	-	
	Lúa hai vụ	m2	586.6	211.6		8,400	8,400	-	4,927,440	1,777,440	- 3,150,000	
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-	-	
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	586.6	211.6		246,000	246,000		144,303,600	52,053,600	- 92,250,000	
2	Đào Thị Hương-Tổng Xuân Tý								-	-	- 284,560,560	
a	Bồi thường về đất								-	-	-	
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	694.6	694.6		84,000	84,000		58,346,400	58,346,400	-	
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	1,144.9	304.0		84,000	84,000		96,171,600	25,536,000	- 70,635,600	Tổng số diện tích là 1144,9 chỉ có 304m2 là đất của Đào Thị Hương- Tổng Xuân Tý diện tích còn lại không rõ đối tượng
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-	-	
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-	-	
	Lúa hai vụ	m2	1,839.5	998.6		8,400	8,400	-	15,451,800	8,388,240	- 7,063,560	
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-	-	
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	1,839.5	998.6		246,000	246,000		452,517,000	245,655,600	- 206,861,400	
II	ĐỢT 75A										- 107,625,000	
1	Vũ Đình Bân-Nguyễn Thị Khâm										- 107,625,000	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
a	Bồi thường về đất											
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	437.5	437.5	-	84,000	84,000	-	36,750,000	36,750,000		
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-	-	
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-	-	
	Lúa hai vụ	m2	437.5	437.5		8,400	8,400	-	3,675,000	3,675,000		

d	Chính sách hỗ trợ					-			-	-	-		
C	Hỗ trợ khuyến khích di chuyển	m2	437.5	437.5			2,000	2,000		875,000	875,000		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	437.5	-			246,000	246,000		107,625,000	-	-	107,625,000
III	ĐQT 41											-	16,632,000
1	Trần Mạnh Hiệp											-	16,632,000
a	Bồi thường về đất												
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	569.5	389.5	-	180.0	84,000	84,000	-	47,838,000	32,718,000	-	15,120,000
b	Tài sản, vật kiến trúc					-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi					-			-	-	-		
	Lúa hai vụ	m2	569.5	389.5			8,400	8,400	-	4,783,800	3,271,800	-	1,512,000
d	Chính sách hỗ trợ					-			-	-	-		
IV	ĐQT 18											-	44,993,400
1	Trần Thị Thanh- Đỗ Xuân Cãi											-	44,993,400
a	Bồi thường về đất												
b	Tài sản, vật kiến trúc					-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi					-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ					-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	182.9	-	-	182.9	246,000	246,000	-	44,993,400	-	-	44,993,400
V	ĐQT 21											-	173,282,400
1	Nguyễn Thị Ánh Tuyết												-
a	Bồi thường về đất												
b	Tài sản, vật kiến trúc					-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi					-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ					-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	704.4	-	-	704.4	246,000	246,000	-	173,282,400	-	-	173,282,400
VI	ĐQT 51											-	375,973,800
1	Doãn Thị Dư											-	184,573,800
a	Bồi thường về đất												
b	Tài sản, vật kiến trúc					-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi					-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ					-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	750.3	-	-	750.3	246,000	246,000	-	184,573,800	-	-	184,573,800
2	Bế Văn Thịnh-Triệu Thị Mai									-		-	191,400,000
a	Bồi thường về đất	m2	580.0				84,000			48,720,000		-	48,720,000
b	Tài sản, vật kiến trúc					-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi					-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ					-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	580.0	-	-	580.0	246,000	246,000	-	142,680,000	-	-	142,680,000
VII	ĐQT 16											-	794,038,800
1	Hoàng Thị Nga											-	225,385,200
a	Bồi thường về đất												

Đất 5% (theo Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 17/5/2021 của UBND xã Thanh Luông, Thửa 618 tờ 313c diện tích 180m2

Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Diện tích 705,7m2 là thuộc đất giao khoán, đất 5%, sau khi phát hiện sai phạm Phòng Tài nguyên & MT thành phố đã thu hồi nộp số tiền 220,000,000đ vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh, tương ứng với DT 666,67 m2 (còn 39 m2 UBND thành phố tiếp tục xem xét xử lý thu hồi)

b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	916.2	-	- 916.2	246,000	246,000	-	225,385,200	-	- 225,385,200	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
2	Nguyễn Văn Phúc										- 270,132,600	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	1,098.1	-	- 1,098.1	246,000	246,000	-	270,132,600	-	- 270,132,600	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
3	Phạm Văn Tính										- 298,521,000	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	1,213.5	-	- 1,213.5	246,000	246,000	-	298,521,000	-	- 298,521,000	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
VIII	ĐỢT 25										- 988,920,000	
1	Phạm Thị Mừng, Phạm Thế Phương										- 61,057,200	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	248.2	-	- 248.2	246,000	246,000	-	61,057,200	-	- 61,057,200	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
2	Đỗ Thị Hằng, Nguyễn Minh Khâm										- 30,922,200	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	125.7	-	- 125.7	246,000	246,000	-	30,922,200	-	- 30,922,200	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
3	Vũ Thị Trâm										- 111,684,000	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	454.0	-	- 454.0	246,000	246,000	-	111,684,000	-	- 111,684,000	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
4	Trịnh Duy Hoàn, Nguyễn Thị Lương										- 377,856,000	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	1,536.0	-	- 1,536.0	246,000	246,000	-	377,856,000	-	- 377,856,000	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp

		m2										
5	Bùi Thị Huệ, Phạm Văn Thái										- 260,612,400	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	1,059.4	-	- 1,059.4	246,000	246,000	-	260,612,400	-	- 260,612,400	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
		m2									- 146,788,200	
6	Hà Thị Dung(Hiệp)											
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	596.7	-	- 596.7	246,000	246,000	-	146,788,200	-	- 146,788,200	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
		m2										
IX	ĐQT 32										- 284,056,200	
1	Trần Thị Thi										- 284,056,200	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	1,154.7	-	- 1,154.7	246,000	246,000	-	284,056,200	-	- 284,056,200	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
X	ĐQT 68										- 338,313,120	
1	Vũ Thị Thìn										- 177,882,600	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	723.1	-	- 723.1	246,000	246,000	-	177,882,600	-	- 177,882,600	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
2	Quảng Thị Hinh								-		- 160,430,520	
a	Bồi thường về đất		471.3			84,000			39,589,200		- 39,589,200	
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Sản lượng lúa		471.3	-		8,400			3,958,920	-	- 3,958,920	
	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	471.3	-		246,000			115,939,800	-	- 115,939,800	
	Chế độ khuyến khích di chuyển theo tiến độ		471.3			2,000			942,600		- 942,600	
XI	ĐQT 02										- 518,026,800	
1	Nguyễn Thị Thuý										- 229,518,000	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	933.0	-	- 933.0	246,000	246,000	-	229,518,000	-	- 229,518,000	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
2	Đào Sóng Hồng, Nguyễn Thị Huế										- 288,508,800	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		

d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	1,172.8	-	- 1,172.8	246,000	246,000	-	288,508,800	-	- 288,508,800	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
XII	ĐQT 72										- 864,132,400	
1	Nguyễn Quốc Toán, Chu Thị Mai										- 631,039,200	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	2,565.2	-	- 2,565.2	246,000	246,000	-	631,039,200	-	- 631,039,200	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
2	Lê Thị Hồng, Nguyễn Trường Sơn										- 233,093,200	
a	Bồi thường về đất											
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình	m2	852.4	-	- 852.4	246,000	246,000	-	209,690,400	-	- 209,690,400	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
			142.7			164,000			23,402,800		- 23,402,800	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp
XIII	ĐQT 19										- 357,142,800	
1	Phạm Thị Huế (Luyến)										- 357,142,800	
a	Bồi thường về đất											
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	511.1	511.1	-	84,000	84,000	-	42,932,400	42,932,400		
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	750.2	750.2		84,000	84,000		63,016,800	63,016,800		
	Đất chuyên trồng lúa LUC	m2	190.5	190.5		84,000	84,000		16,002,000	16,002,000		
b	Tài sản, vật kiến trúc				-			-	-	-		
c	Cây trồng vật nuôi				-			-	-	-		
	Lúa hai vụ	m2	1,451.8	1,451.8		8,400	8,400	-	12,195,120	12,195,120		
d	Chính sách hỗ trợ				-			-	-	-		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia	m2	1,451.8	-		246,000	-		357,142,800	-	- 357,142,800	Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp

BIỂU CHI TIẾT SAI PHẠM CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN - ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 1

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BIỂU CHI TIẾT SAI PHẠM CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN - ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793 /KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Họ tên	ĐV tính	Thành tiền			Nguyên nhân chênh lệch
			Thanh toán	Kiểm tra	Chênh lệch	
	TỔNG CỘNG				- 5,442,827,787	
1	Lê Ngọc Quốc - Phạm Thị Lương				- 160,734,642	
a	Tài sản, vật kiến trúc		528,257,809	429,493,027	- 98,764,782	
b	Chính sách hỗ trợ		765,407,800	703,437,940	- 61,969,860	
2	Nguyễn Quý Tuế - Nguyễn Thị Huế				- 604,206,587	
a	Tài sản, vật kiến trúc		852,747,477	389,402,950	- 463,344,527	
b	Chính sách hỗ trợ		586,141,400	445,279,340	- 140,862,060	
3	Nguyễn Văn Hoan - Nguyễn Thị Hoa				- 127,762,291	
b	Tài sản, vật kiến trúc		372,724,737	271,678,046	- 101,046,691	
b	Chính sách hỗ trợ		501,752,000	475,036,400	- 26,715,600	
4	Trần Văn Dương				- 286,371,332	
b	Tài sản, vật kiến trúc		556,901,321	334,293,189	- 222,608,132	
b	Chính sách hỗ trợ		552,117,800	488,354,600	- 63,763,200	
5	Nguyễn Thanh Kiều - Ngô Thị Hòa				- 113,206,740	
b	Tài sản, vật kiến trúc		507,380,144	507,380,144	-	
b	Chính sách hỗ trợ		300,767,000	187,560,260	- 113,206,740	
6	Phạm Thị Minh - Vũ Duy Tâm				- 772,273,189	
b	Tài sản, vật kiến trúc		1,539,400,876	806,396,667	- 733,004,209	
b	Chính sách hỗ trợ		195,189,200	155,920,220	- 39,268,980	
7	Cao Thị Lộc				- 20,000,000	
a	Tài sản, vật kiến trúc		-	-	-	
b	Chính sách hỗ trợ		-		-	
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		20,000,000	-	- 20,000,000	
8	Hoàng Văn Oánh				- 1,046,697,113	
a	Tài sản, vật kiến trúc		1,302,066,763	275,369,651	- 1,026,697,113	
b	Chính sách hỗ trợ				-	
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		20,000,000	-	- 20,000,000	
9	Vũ Hữu Bẩy - Nguyễn Thị Lâm				- 91,405,207	
a	Tài sản, vật kiến trúc		341,191,749	273,759,241	- 67,432,507	
b	Chính sách hỗ trợ		570,138,000	546,165,300	- 23,972,700	
10	Nguyễn Thị Hương - Nguyễn Văn Đạm				- 115,254,793	
a	Tài sản, vật kiến trúc		384,887,181	306,682,668	- 78,204,513	

Thanh toán bồi hỗ trợ Tài sản Nhà thứ 2,3,4.. trên cùng một hợp đồng giao khoán không đúng theo Văn bản 2052/UBND-KTN ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Điện

b	Chính sách hỗ trợ		194,187,480	179,137,200	- 15,050,280
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		22,000,000	-	- 22,000,000
11	Nguyễn Thị Phương Thanh - Nguyễn Thị Minh Anh (người				- 65,170,428
a	Tài sản, vật kiến trúc		318,290,744	253,120,316	- 65,170,428
12	Đào Văn Phong				- 385,047,963
a	Tài sản, vật kiến trúc		994,484,355	712,485,892	- 281,998,463
b	Chính sách hỗ trợ		612,554,400	519,504,900	- 93,049,500
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		10,000,000	-	- 10,000,000
13	Phạm Văn Giang (Phạm Hồng Giang)				- 162,873,781
a	Tài sản, vật kiến trúc		574,984,567	493,394,786	- 81,589,781
b	Chính sách hỗ trợ		64,284,000	-	- 64,284,000
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		17,000,000	-	- 17,000,000
14	Hoàng Văn Dũng				- 619,146,770
a	Tài sản, vật kiến trúc		1,408,601,918	809,455,148	- 599,146,770
b	Chính sách hỗ trợ		-	-	-
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		20,000,000	-	- 20,000,000
15	Vũ Thị Tuyết				- 39,447,025
a	Tài sản, vật kiến trúc		196,876,902	165,137,877	- 31,739,025
b	Chính sách hỗ trợ		192,272,800	184,564,800	- 7,708,000
16	Nguyễn Thị Dung -Nguyễn Đình Khoảng				- 78,590,688
a	Tài sản, vật kiến trúc		232,725,296	160,227,968	- 72,497,328
b	Chính sách hỗ trợ		10,306,800	4,213,440	- 6,093,360
17	Bùi Văn Dũng				- 413,631,700
a	Tài sản, vật kiến trúc		1,031,141,755	750,810,375	- 280,331,380
b	Chính sách hỗ trợ		292,664,400	169,364,080	- 123,300,320
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		10,000,000	-	- 10,000,000
18	Trần Thị Thu Phương				- 316,007,536
a	Tài sản, vật kiến trúc		775,101,669	530,148,773	- 244,952,896
b	Chính sách hỗ trợ		191,781,600	120726960	- 71,054,640
19	Vũ Thị Oanh				- 25,000,000
a	Tài sản, vật kiến trúc		-	-	-
b	Chính sách hỗ trợ		-	-	-
c	Hỗ trợ tiền thuê nhà giao đất không đủ điều kiện		25,000,000	-	- 25,000,000

Biên; Hỗ trợ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm đối với diện tích đã xây dựng nhà thứ 2,3, sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, không đúng theo hợp đồng giao khoán; Hỗ trợ tiền thuê nhà đối với 08 hộ không đủ điều kiện giao đất

BIỂU CHI TIẾT SAI PHẠM CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN - ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ C13 VÀ C13 MỞ RỘNG

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793 /KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

[illegible]

a	Tài sản, vật kiến trúc		232	46.40	-185.60	432,640	946,400	513,760	100,372,480	43,912,960	-	56,459,520	Tính sai đơn giá kê
---	------------------------	--	-----	-------	---------	---------	---------	---------	-------------	------------	---	------------	---------------------

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT SAI QUY ĐỊNH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Họ tên	Số Quyết định phương án giao đất	Ngày ban hành quyết định	Nội dung sai	(Giao đất có thu tiền)	Diện tích được cấp (m2)	Ghi chú
I	Điểm TĐC số 3						
1	Đào Văn Phong	79/QĐ-UBND	31/8/2021	Xác nhận sai thời điểm tạm trú 07 hộ gia đình; 01 hộ gia đình không xác nhận thời điểm tạm trú, dẫn đến giao đất có thu tiền sử dụng đất sai quy định	Có thu tiền	100	
2	Cao Thị Lộc	80/QĐ-UBND	31/8/2021		Có thu tiền	100	
3	Hoàng Văn Dũng	82/QĐ-UBND	31/8/2021		Có thu tiền	100	
4	Hoàng Văn Oánh	86/QĐ-UBND	31/8/2021		Có thu tiền	118,24	
5	Bùi Văn Dũng	91/QĐ-UBND	31/8/2021		Có thu tiền	100	
6	Vũ Thị Oanh	92/QĐ-UBND	31/8/2021		Có thu tiền	100	
7	Phạm Hồng Giang (Phạm Văn Giang)	218/QĐ-UBND	15/9/2021		Có thu tiền	100	
8	Nguyễn Thị Hương	930/QĐ-UBND	1/11/2021		Có thu tiền	94,5	

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN CHƯA ĐẦY ĐỦ THỦ TỤC, CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793 /KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Họ tên	Số Quyết định phương án giao đất	Ngày ban hành quyết định	(Giao tái định cư hoặc thu tiền)	Ghi chú
I. Giao đất tái định cư					
	Điểm TĐC số 1				
1	Vũ Thị Biên - Phạm Văn Thưng	540/QĐ-UBND	23/3/2021	TĐC	
2	Dương Xuân Hiếu - Bùi Thị Huệ	540/QĐ-UBND	23/3/2021	TĐC	
	Đợt 40				
3	Nguyễn Văn Cảnh	2831/QĐ-UBND	9/9/2021	TĐC	
	Đợt 47				
4	Nguyễn Thị Thanh Huệ	3068/QĐ-UBND	24/9/2021	TĐC	
5	Phạm Thị Hương Cúc	4267/QĐ-UBND	5/11/2021	TĐC	
6	Nguyễn Văn Tùng	4267/QĐ-UBND	5/11/2021	TĐC	
7	Bùi Đức Hương	3068/QĐ-UBND	24/9/2021	TĐC	
	Đợt 65				
8	Lê Hà Phương	3530/QĐ-UBND	11/10/2021	TĐC	
9	Bùi Ngọc Tuấn	3530/QĐ-UBND	11/10/2021	TĐC	
10	Nguyễn Quang Linh	4305/QĐ-UBND	11/10/2021	TĐC	
	Đợt 61				
11	Nguyễn Thị Kiều	3657/QĐ-UBND	12/10/2021	TĐC	
	Đợt 53				
12	Trần Thị Lan	4273/QĐ-UBND	5/11/2021	TĐC	
13	Trần Thị Lý	4273/QĐ-UBND	5/11/2021	TĐC	
II. Giao đất có thu tiền					
1	Lò Ngọc Duy	3657/QĐ-UBND	12/10/2021	Có thu tiền	
III. Giao đất cho hộ gia đình nhiều thế hệ					
1	Vũ Thị Thanh Hoà - Lưu Hải Huy	431/QĐ-UBND	22/2/2022	Có thu tiền	
2	Vũ Thị Thanh Huyền	431/QĐ-UBND	22/2/2022	Có thu tiền	

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	Họ tên, chức vụ, đơn vị công tác cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Giá trị sai phạm				
1	2	3	4	5	6	7	8
			Tổng cộng	Đất	Tài sản vật kiến trúc	Chính sách hỗ trợ	Cây cối
I	ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3		- 5,442,827,000	-	- 4,448,528,000	- 994,299,000	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ; phê duyệt giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 08 hộ không đúng quy định					
2	Nguyễn Thị Hoá, Viên chức Trung Tâm QLĐĐ thành phố	- Chịu trách nhiệm trong việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ					
		- Chịu trách nhiệm trong việc lập phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 08 hộ không đúng quy định					
3	Bạc Cầm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Quá trình Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc không phát hiện lỗi sai số học, áp sai văn bản đề bù					

4	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLĐĐ Thành phố	- Ký trình đề nghị thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, tài sản vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ tại các Quyết định: QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; QĐ số 1759/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; QĐ số 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; QĐ số 2444/QĐ-UBND ngày 18/8/2021; QĐ số 607/QĐ-UBND ngày 01/4/2021; QĐ số 5017/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; QĐ số 462/QĐ-UBND ngày 12/3/2021; QĐ số 2665/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 4/5/2021.					
		- Ký trình đề nghị thẩm định phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 08 hộ không đúng quy định					
5	Vũ Quyết Thắng, Nguyên Phó phòng Quản lý đô thị	Ký trình kết quả thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc Tại các Quyết định: QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; QĐ số 1759/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; QĐ số 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 4/5/2021.					
6	Đặng Thị Hương, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Ký tờ trình kết quả thẩm định về chính sách án hỗ trợ Tại các QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; QĐ số 1759/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; QĐ số 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; QĐ số 597/QĐ-UBND ngày 30/3/2021; QĐ số 2665/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; QĐ số 462/QĐ-UBND ngày 12/3/2021; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 4/5/2021.					

7	Luu Hoài Nam, nguyên phó phòng Tài nguyên và Môi trường	- Ký trình đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ Tại các: QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; QĐ số 1759/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; QĐ số 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; QĐ số 2444/QĐ-UBND ngày 18/8/2021; QĐ số 607/QĐ-UBND ngày 01/4/202; QĐ số					
		- Ký thẩm định, trình phê duyệt phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 08 hộ không đúng quy định					
8	Trương Thị Hồng Nhung, viên chức Trung tâm quản lý đất đai	Chịu trách nhiệm trong việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ tại QĐ số 2665/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và Quyết định số 5017/QĐ-UBND ngày 28/12/2021.					
9	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị thành phố	Ký tờ trình kết quả thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc tại các QĐ số 607/QĐ-UBND ngày 01/4/202; QĐ số 5017/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; QĐ số 597/QĐ-UBND ngày 30/3/2021; QĐ số 462/QĐ-UBND ngày 12/3/2021; QĐ số 2665/QĐ-UBND ngày 28/12/2020.					
10	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.	Chịu trách nhiệm trong việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc tại quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 07/01/2022					
11	Trương Thị Thanh Huệ, phó giám đốc Trung Tâm QLDD thành phố	Ký trình đề nghị thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, tài sản vật kiến trúc tại quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 07/01/2022					
12	Hà Văn Đông, nguyên Trưởng phòng, Tài nguyên và Môi trường	Ký trình đề nghị phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc tại quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 07/01/2022					

13	Lò Văn Thành, Công an phường Thanh Trường	Ký xác nhận cho 05 trường hợp không đúng thực tế về thời điểm bắt đầu đăng ký tạm trú và thời gian lưu trú để các hộ đủ điều kiện giao đất và được hưởng hỗ trợ nơi ở tạm không đúng quy định					
14	Lò Văn Sơn, Công an phường Thanh Trường	Ký xác nhận cho 02 trường hợp không đúng thực tế về thời điểm bắt đầu đăng ký tạm trú và thời gian lưu trú để các hộ đủ điều kiện giao đất và được hưởng hỗ trợ nơi ở tạm không đúng quy định					
II	Phương án đợt 15, 16, 17, 18, 24 (Điểm tái định cư số I)		- 1,801,862,132		- 1,801,862,132		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Bà Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLĐĐ Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định; Xác định Phương pháp tính toán giá trị bồi thường tài sản không đúng theo quy định; Không thực hiện ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán sản phẩm tư vấn, nhưng lại sử dụng kết quả dự toán xây dựng tư vấn tính để xác định giá trị bồi thường; Không kiểm tra khối lượng hiện trường ép cọc bê tông tại nhà Dương Minh Thụ - Vũ Thị Năm nhưng vẫn ký xác nhận vào biên bản kiểm tra					

3	Nguyễn Thị Hóa, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Tính thiếu khối lượng, đơn giá bồi thường tài sản; Phương pháp xác định giá trị bồi thường tài sản là nhà ở không đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; Xác định giá trị bồi thường gia cố nền móng bằng ép cọc bê tông dựa trên giá trị dự toán Công ty TNHH tư vấn và Đầu tư xây dựng Việt Á lập, không đúng theo Hướng dẫn 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên; Không kiểm tra khối lượng hiện trường ép cọc bê tông tại nhà Dương Minh Thụ - Vũ Thị Năm nhưng vẫn ký xác nhận vào biên bản					
4	Tòng Văn Trung - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án thành phố	Không kiểm tra khối lượng hiện trường ép cọc bê tông tại nhà Dương Minh Thụ - Vũ Thị Năm nhưng vẫn ký xác nhận vào biên bản kiểm tra					
5	Lê Văn Cường - Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Không thực hiện kiểm tra khối lượng ép cọc bê tông theo nội dung biên bản kiểm tra. Việc kiểm tra hiện trường của ông Lê Văn Cường, Nguyễn Tài Cường chỉ để xác nhận có hay không việc ép cọc bê tông mà không kiểm tra, kiểm đếm số lượng cọc, dài móng chi tiết để tính toán khối lượng cọc ép bê tông. Tuy nhiên trong biên bản ông Nguyễn Tài Cường lại xác nhận khối lượng hiện trường đúng theo dự toán của Công ty TNHH tư vấn và Đầu tư xây dựng Việt Á lập (ông Lê Văn Cường thực hiện kiểm tra nhưng không ký xác nhận trong biên bản).					
6	Nguyễn Tài Cường - Viên chức Ban quản lý dự án						

7	Bạc Cầm Thụ - Công chức, phòng Quản lý đô thị thành phố Điện Biên Phủ	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm tính thiếu khối lượng, đơn giá bồi thường tài sản; Phương pháp xác định giá trị bồi thường tài sản là					
8	Đỗ Trung Kiên - Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Điện Biên Phủ	Phê duyệt kết quả thẩm định cso sai phạm tính thiếu khối lượng, đơn giá bồi thường tài sản; Phương pháp xác định giá trị bồi thường tài sản là nhà ở không đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; Xác định giá trị bồi thường gia cố nền móng bằng ép cọc bê tông dựa trên giá trị dự toán Công ty TNHH tư vấn và Đầu tư xây dựng Việt Á lập, không đúng theo Hướng dẫn 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên; Bồi thường tài sản, vật kiến trúc cho hộ gia đình nhận chuyển nhượng, cho tặng nhưng chưa có hiệu lực;					
9	Bạc Cầm Thụ - Công chức, phòng Quản lý đô thị thành phố Điện Biên Phủ	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm tính thiếu khối lượng, đơn giá bồi thường tài sản; Phương pháp xác định giá trị bồi thường tài sản là nhà ở không đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; Xác định giá trị bồi thường gia cố nền móng bằng ép cọc bê tông dựa trên giá trị dự toán Công ty TNHH tư vấn và Đầu tư xây dựng Việt Á lập, không đúng theo Hướng dẫn 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên; Bồi thường tài sản, vật kiến trúc cho hộ gia đình nhận chuyển nhượng, cho tặng nhưng chưa có hiệu lực;					

10	Đỗ Trung Kiên - Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Điện Biên Phủ	Phê duyệt kết quả thẩm định cso sai phạm tính thiếu khối lượng, đơn giá bồi thường tài sản; Phương pháp xác định giá trị bồi thường tài sản là nhà ở không đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ- UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; Xác định giá trị bồi thường gia cố nền móng bằng ép cọc bê tông dựa trên giá trị dự toán Công ty TNHH tư vấn và Đầu tư xây dựng Việt Á lập, không đúng theo Hướng dẫn 285/HD-SXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên; Bồi thường tài sản, vật kiến trúc cho hộ gia đình nhận chuyển nhượng, cho tặng nhưng chưa có hiệu lực;					
III	Đợt 3		- 1,500,763,291		- 1,500,763,291		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Nguyễn Thị Khương, Hợp đồng TTQLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án tính sai số học.					
4	Bạc Cầm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: tính sai số học					
5	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: tính sai số học					
IV	Đợt 25		- 988,920,000		- 988,920,000		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					

3	Lê Văn Thức, Nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ.					
4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thường, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
6	Nguyễn Thị Việt Hà, phó Chủ tịch UBND phường Thanh Bình	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
V	Đợt 72		- 864,132,400			- 864,132,400	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
3	Nguyễn Tiến Thành, Tổ trưởng, tổ dân phố 4, phường Thanh trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
4	Lường Văn Lý, cán bộ hội nông dân, phường Thanh Trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
5	Nguyễn Thị Khương, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
6	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
		Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
7	Lê Ngọc Tuấn, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
8	Đặng Văn Bang, Tổ trưởng tổ 3, phường Thanh Trường	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
9	Lê Văn Thức, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
10	Hoàng Văn Linh, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					

11	Nguyễn Thị Ngọc, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
12	Nguyễn Mạnh Cường, nhân viên hợp đồng Trung tâm Quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
13	Nguyễn Trọng Thường, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
14	Phạm Trung Kiên, phó phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Ký xác nhận báo cáo thẩm định và phê duyệt phương án					
VI	Phương án đợt 3; đợt 4, đợt 6, đợt 10 (Điểm tái định cư số I)		- 801,818,752	- 198,333,400	- 8,485,152	- 595,000,200	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Bà Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Nguyễn Thị Hóa - Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Trong lập phương án tính toán sai khối lượng bồi thường so với biên bản kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất tại phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 10.					
4	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Trách nhiệm trực tiếp trong việc chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với diện tích đất công ích của phường Thanh Trường, dẫn đến xác định không đúng nguồn gốc sử dụng đất đối với diện tích đất lúa có nguồn gốc đất công ích của phường mà người dân sử dụng					
5	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						

6	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Trách nhiệm trong việc chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với diện tích đất công ích của phường Thanh Trường, dẫn đến xác định, thẩm định không đúng nguồn gốc sử dụng đất đối với diện tích đất lúa có nguồn gốc đất công ích của phường mà người dân sử dụng					
7	Bạc Cẩm Thụ - Công chức, phòng Quản lý đô thị thành phố Điện Biên Phủ	Quá trình thẩm định không phát hiện ra việc tính toán sai khối lượng bồi thường so với biên bản kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất tại phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 10.					
8	Đỗ Trung Kiên - Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Điện Biên Phủ	Trách nhiệm trong phê duyệt kết quả thẩm định có sai phạm tính toán sai khối lượng bồi thường so với biên bản kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất tại phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 10.					
VII	Đợt 16		-	794,038,800		-	794,038,800
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Thức, Nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ.					
4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
6	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
VIII	Đợt 53		-	737,180,253	-	-	737,180,253

1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Nguyễn Thiện Hải, Viên chức TTQDD thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà; chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ xây dựng phương án; Trong đó kiểm đếm hộ Nguyễn Thị Thanh Thuý - Phạm Ngọc Hà có phần tài sản, kiến trúc nằm ngoài hàng lang thu hồi đất sân bay, hiện trạng còn nguyên không phải phá dỡ, di chuyển vẫn xây dựng biên bản xác định tài sản, vật kiến trúc phải bồi thường (giá trị bồi thường 152.446.809 đồng); Kiểm đếm, lập phương án bồi thường tài sản, vật kiến trúc tính trùng do nhân đôi diện tích sàn tầng 1 so với kiểm đếm tại hộ gia đình Nguyễn Minh Hải - Nguyễn Thị Vân Khánh (giá trị bồi thường 355.430.400 đồng); tính sai số học chiều dài tường bao tại hộ gia đình Lã Vũ Quang - Trịnh Thị Thanh (giá trị bồi thường 105.019.737 đồng); tính sai khối lượng; chưa giảm trừ phần lát gạch và trần nhà; bồi thường tài sản, vật kiến trúc đối với diện tích nằm ngoài đất ở không có căn cứ.					
4	Vũ Thị Hà, Viên chức TTQDD thành phố.						
5	Nguyễn Bích Xuân, công chức UBND xã Thanh Minh						
6	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						
7	Lò Văn Thơm, công chức xã Mường Phăng						
8	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh						

9	Bạc Cẩm Thuý, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: bồi thường tài sản, vật kiến trúc tính trùng do nhân đôi diện tích sàn tầng 1 so với kiểm đếm tại hộ gia đình Nguyễn Minh Hải - Nguyễn Thị Vân Khánh (giá trị bồi thường 355.430.400 đồng); tính sai số học chiều dài tường bao tại hộ gia đình Lã Vũ Quang - Trịnh Thị Thanh (giá trị bồi thường 105.019.737 đồng); tính sai khối lượng; chưa giảm trừ phần lát gạch và trần nhà; bồi thường tài sản, vật kiến trúc đối với diện tích nằm ngoài đất ở không có căn cứ.					
10	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: bồi thường tài sản, vật kiến trúc tính trùng do nhân đôi diện tích sàn tầng 1 so với kiểm đếm tại hộ gia đình Nguyễn Minh Hải - Nguyễn Thị Vân Khánh (giá trị bồi thường 355.430.400 đồng); tính sai số học chiều dài tường bao tại hộ gia đình Lã Vũ Quang - Trịnh Thị Thanh (giá trị bồi thường 105.019.737 đồng); tính sai khối lượng; chưa giảm trừ phần lát gạch và trần nhà; bồi thường tài sản, vật kiến trúc đối với diện tích nằm ngoài đất ở không có căn cứ.					
IX	Đợt 38		- 633,245,320	- 622,948,200	- 68,935,120	58,638,000	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố						

4	Lê Minh Chiến, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; còn tính sai khối lượng; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về đất; bồi thường trùng diện tích đất do cùng 01 Giấy CNQSD đất bồi thường cho 02 hộ gia đình (bồi thường trùng diện tích đất ở của con gái), giá trị bồi thường 210.000.000 đồng.					
5	Nguyễn Mạnh Cường, nhân viên hợp đồng Trung tâm Quản lý đất đai thành phố						
6	Nguyễn Bích Ngọc nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố						
7	Nguyễn Trọng Thương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố						
8	Nguyễn Trường Mạnh, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố						
9	Lê Văn Thức, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố						
10	Nguyễn Thị Yến, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố						
11	Hà Văn Đông, Trưởng phòng, Tài nguyên và Môi trường	Ký tờ trình đề nghị phê duyệt phương án					
12	Nguyễn Thành Trung, Phó Giám đốc, Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT.	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về đất: áp sai đơn giá bồi thường về đất; bồi thường trùng diện tích đất do cùng 01 Giấy CNQSD đất bồi thường cho 02 hộ gia đình (bồi thường trùng diện tích đất ở của con gái), giá trị bồi thường 210.000.000 đồng.					
13	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng kinh tế xây dựng, Sở Xây dựng	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; còn tính sai khối lượng; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ					
X	Đợt 02		- 518,026,800	- 518,026,800			-

1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Nguyễn Thị Khương, hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
3	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
4	Lê Ngọc Tuấn, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
5	Đặng Văn Bang, Tổ trưởng tổ 3, phường Thanh Trường	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
6	Lê Văn Thức, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
7	Hoàng Văn Linh, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
8	Nguyễn Thị Ngọc, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
9	Nguyễn Mạnh Cường, nhân viên hợp đồng Trung tâm Quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
10	Nguyễn Trọng Thương, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất					
11	Đặng Văn Việt, Phó Chủ tịch, UBND phường Thanh Trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
12	Đặng Văn Bang, Tổ trưởng tổ 3, phường Thanh Trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
XI	ĐIỂM TÁI ĐỊNH C13 VÀ C13 MỞ RỘNG		- 461,000,000	-	- 373,538,000	- 83,122,000	- 4,340,000
1	Trương Thị Hồng Nhung, viên chức Trung tâm quản lý đất đai	- Chịu trách nhiệm trong việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ					
2	Trương Thị Thanh Huệ, phó giám đốc Trung Tâm QLDD thành phố	Ký trình đề nghị thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, tài sản vật kiến trúc					

3	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc					
4	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc					
5	Nguyễn Văn Thành, công chức địa chính phường Thanh Trường	Thiếu trách nhiệm trong việc không ký tên thành viên tổ làm nhiệm vụ bồi thường GPMB tại một số biên bản kiểm tra.					
6	Trần Thị Quyên, viên chức Trung tâm QLDD thành phố						
7	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						
8	Cà Văn Tuấn, viên chức TTQDDĐ thành phố						
9	Nguyễn Thị Hạnh, viên chức Trung tâm QLDD thành phố						
10	Vì Thị Nhung, viên chức Trung tâm QLDD thành phố						
11	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố						
XII	Đợt 69		- 432,832,208	- 201,000,000	- 231,832,208		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Trương Thị Thanh Huệ, phó giám đốc Trung Tâm QLDD thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
4	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà chưa xác định chiều					
5	Trương Thị Hồng Nhung, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						
6	Nguyễn Thị Hạnh, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố						

7	Trần Văn Mạnh, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Đã ký xây dựng biên bản kiểm tra: Chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp sai tỷ lệ bồi thường đối với tài sản nằm ngoài đất ở; áp sai đơn giá bồi thường về đất					
8	Phạm Hải Lý, Công chức trung tập phường Noong Bua.						
9	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						
10	Hà Văn Đông, Trưởng phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.					
11	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp sai tỷ lệ bồi thường đối với tài sản nằm ngoài đất ở					
12	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp sai tỷ lệ bồi thường đối với tài sản nằm ngoài đất ở					
13	Bùi Mạnh Cường - Nguyên Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định đơn giá bồi thường về đất áp sai đơn giá					
14	Tạ Thị Hằng, chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định đơn giá bồi thường về đất áp sai đơn giá					
XIII	Đợt 51		- 375,973,800	- 48,720,000		- 327,253,800	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Thúc, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ					

4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi					
6	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Ký xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
7	Lường Văn Lý, Chủ tịch hội nông dân phường Thanh Trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
8	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định và ký báo cáo, tờ trình thu hồi đất và tờ trình phê duyệt phương án					
9	Tạ Thị Hằng, chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.					
XIV	Đợt 27		- 411,460,560	- 102,135,600		- 299,111,400	- 10,213,560
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
4	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
5	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
6	Quảng Văn Trường, công chức xã Nà Nhạn	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
7	Tòng Văn Suôn, Phó Chủ tịch xã Thanh Luông	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
8	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Ký xác minh tài sản diện tích đất bị thu hồi					
9	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Ký xác nhận tài sản diện tích đất bị thu hồi					

10	Bùi Thị Ánh, chuyên viên Phòng Tài nguyên Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất					
11	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định và ký báo cáo, tờ trình thu hồi đất và tờ trình phê duyệt phương án					
12	Trần Xuân Mạnh, Chuyên viên, phòng Tài chính - kế hoạch	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ					
13	Phạm Trung Kiên, phó phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Thẩm định và ký báo cáo, tờ trình kết quả bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ					
XV	Đợt 75		- 390,695,195	- 377,050,000	- 13,645,195		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trương Thị Thanh Huệ, phó giám đốc Trung Tâm QLDD thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ; Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án tính sai số học; áp sai đơn giá đất					
4	Tạ Trung Kiên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Trần Văn Mạnh, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Nguyễn Thị Hạnh, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
7	Trương Thị Hồng Nhung, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
8	Hà Văn Đông, Trưởng phòng, Tài nguyên và Môi trường	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
9	Nguyễn Thành Trung, Phó Giám đốc, Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT.	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về đất: áp sai đơn giá bồi thường về đất					

10	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng kinh tế xây dựng, Sở Xây dựng	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc còn tính sai số học					
XVI	Đợt 19		- 357,142,800			- 357,142,800	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
4	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
5	Quảng Văn Trường, công chức xã Nà Nhạn	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
6	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Ký xác nhận tài sản diện tích đất bị thu hồi					
7	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Ký xác minh tài sản diện tích đất bị thu hồi					
8	Nguyễn Xuân Tâm, nhân viên hợp đồng Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
XVI I	Đợt 68		- 338,313,120	- 39,589,200		- 294,765,000	- 3,958,920
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Thức, Nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ.					
4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					

6	Đặng Văn Việt, Phó Chủ tịch, UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất					
7	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất					
8	Quảng Văn Pâng, Chủ tịch UBND xã Thanh Lương	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
9	Đặng Thị Hương, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Thẩm định và ký báo cáo, tờ trình kết quả bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ					
10	Trần Xuân Mạnh, Chuyên viên, phòng Tài chính - kế hoạch	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ					
11	Tạ Thị Hằng, chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.					
12	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định và ký báo cáo, tờ trình thu hồi đất và tờ trình phê duyệt phương án					
XVI II	Đợt 35		- 337,556,504	- 231,040,000	- 95,938,504	- 10,578,000	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Đào Hồng Nhung, Viên chức TTQLDD thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ; Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về đất; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc; hỗ trợ hộ trực tiếp					
4	Trương Thị Hồng Nhung, Viên chức TTQLDD thành phố.						
5	Cà Văn Tuấn, Viên chức TTQDD thành phố (công chức xã Thanh Minh).						
6	Nguyễn Xuân Nguyên, công chức phường Nam Thanh						

7	Lò Văn Đại, công chức xã Pá Khoang	sản xuất nông nghiệp không đảm bảo điều kiện.					
8	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về đất; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc					
9	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về đất; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc					
10	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định: Thẩm định bồi thường đất áp sai đơn giá do áp sai vị trí đất từ vị trí 2 sang vị trí 1					
11	Bùi Thị Ánh, chuyên viên Phòng Tài nguyên Môi trường	Thẩm định bồi thường đất áp sai đơn giá do áp sai vị trí đất từ vị trí 2 sang vị trí 1					
12	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Xác định hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đảm bảo quy định					
13	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất					
XIX ĐỢT 34			- 325,868,908	- 298,643,200	- 27,225,708	-	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					

2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh, trung tập TTQLDD	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Lò Văn Đại - Công chức trung tập xã Pá Khoang						
5	Nguyễn Xuân Nguyên - Công chức trung tập phường Nam Thanh						
6	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường ký xác nhận						
7	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường ký xác nhận						
8	Nguyễn Thị Hóa - Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Trong lập phương án xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường; Không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với trần nhà, nền nhà					
9	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
10	Nguyễn Thành Trung - Phó GD Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường					
11	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với trần nhà, nền nhà					
XX	Đợt 32		- 284,056,200			- 284,056,200	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					

3	Lê Văn Thức, Nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ.					
4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thường, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi					
6	Nguyễn Thị Việt Hà, phó Chủ tịch UBND phường Thanh Bình	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
XXI	Đợt 21		- 173,282,400			- 173,282,400	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Thức, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ					
4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thường, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi					
6	Nguyễn Thị Việt Hà, phó Chủ tịch UBND phường Thanh Bình	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
XXI I	Đợt 63		- 173,142,948	-	- 173,142,948		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Nguyễn Thiện Hải, Viên chức TTQLDD thành phố.						

4	Vũ Thị Hà, Viên chức TTQLĐĐ thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; tính trùng diện tích sản do khối lượng phúc tra bổ sung trùng với phương án kiểm đếm ban đầu (diện tích sản 55m2) tại hộ gia đình Trần Văn Huệ - Bùi Thị Miên; tính sai số học.					
5	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						
6	Nguyễn Xuân Nguyên, công chức phường Nam Thanh						
7	Nguyễn Bích Xuân, công chức UBND xã Thanh Minh						
8	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh						
9	Lò Văn Thom, công chức xã Mường Phăng						
10	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; tính trùng diện tích sản do khối lượng phúc tra bổ sung trùng với phương án kiểm đếm ban đầu (diện tích sản 55m2) tại hộ gia đình Trần Văn Huệ - Bùi Thị Miên; tính sai số học.					
11	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; tính trùng diện tích sản do khối lượng phúc tra bổ sung trùng với phương án kiểm đếm ban đầu (diện tích sản 55m2) tại hộ gia đình Trần Văn Huệ - Bùi Thị Miên; tính sai số học.					

XXI II	Đợt 67		- 166,404,534	- 28,440,000	- 137,964,534	-	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trương Thị Thanh Huệ, phó giám đốc Trung Tâm QLDD thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án áp sai đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc; tính sai số học; hỗ trợ di chuyển nhà không đúng quy định; áp sai đơn giá bồi thường đất					
4	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						
7	Nguyễn Thị Hạnh, Trung Tâm QLDD thành phố						
8	Trần Văn Mạnh, Trung Tâm QLDD thành phố						
9	Nguyễn Xuân Tâm, nhân viên hợp đồng Trung Tâm QLDD thành phố						
10	Quàng Văn Trường, công chức UBND xã Nà Nhạn						
11	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.					

12	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: Lập phương án áp sai đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc; tính sai số học; hỗ trợ di chuyển nhà không đúng quy định.					
13	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: Lập phương án áp sai đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc; tính sai số học; hỗ trợ di chuyển nhà không đúng quy định.					
14	Bùi Mạnh Cường - Nguyên Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về đất áp sai đơn giá bồi thường					
15	Tạ Thị Hằng, chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định về đất áp sai đơn giá bồi thường					
XXI V	ĐỢT 60		- 166,014,088	- 114,234,000	- 51,780,088		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch và trần nhà; áp sai đơn giá bồi thường về đất do áp sai vị trí đất					
4	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Quảng Văn Trường, công chức xã Nà Nhạn						
7	Nguyễn Thành Trung, Phó GD Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Chịu trách nhiệm đối với các sai phạm trong thẩm định bồi thường, hỗ trợ về đất					

8	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng kinh tế xây dựng, Sở Xây dựng	Chịu trách nhiệm đối với các sai phạm trong thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc					
9	Ông Hà Văn Đông, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
XX V	Đợt 17		- 123,563,308		- 99,078,108	- 24,485,200	
1	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
2	Đào Hồng Nhung, Viên chức TTQLDD thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc; tính sai khối lượng, sai đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc; hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp không đúng đối tượng					
3	Trương Thị Hồng Nhung, Viên chức TTQLDD thành phố.						
4	Lò Văn Đại, công chức xã Pá Khoang						
5	Trần Văn Mạnh, Viên chức TTQLDD thành phố.						
6	Nguyễn Xuân Nguyên, công chức phường Nam Thanh						
7	Nguyễn Thiện Hải, Viên chức TTQLDD thành phố.						
8	Vũ Thị Hà, Viên chức TTQLDD thành phố.						
9	Nguyễn Bích Xuân, công chức UBND xã Thanh Minh						
10	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						

11	Lò Văn Thơm, công chức xã Mường Phăng						
12	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh						
13	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng đối tượng					
14	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất					
15	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc; tính sai khối lượng, sai đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc					
16	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc; tính sai khối lượng, sai đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc					
XX VI	ĐỢT 65		- 119,786,628	- 102,194,400	- 50,316,228	32,724,000	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi và đất, tài sản, tài sản khác của cá nhân					

4	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố	tren dat bị thu hoi; lập phương an boi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định					
5	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch;					
6	Quảng Văn Trường, công chức xã Nà Nhạn	bồi thường đối với diện tích nằm ngoài đất ở; áp sai đơn giá bồi thường về đất.					
7	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.					
8	Bạc Cẩm Thu, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc					
9	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc					
10	Lưu Hoài Nam, nguyên phó phòng Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về đất áp sai đơn giá bồi thường					
XX VII	Đợt 56		- 113,651,040		- 113,651,040		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định					
4	Nguyễn Bích Xuân, công chức UBND xã Thanh Minh	thời điểm làm nhà, chưa xác định đầy đủ tiêu chí để lập phương án bồi thường đối với nhà biệt thự; Lập phương án bồi thường nhà biệt thự không có căn cứ cụ thể; tính toán sai số học; bồi thường đối					
5	Trần Xuân Tâm, Viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	với diện tích nằm ngoài diện tích thu hồi					

6	Hà Văn Đông, Trưởng phòng, Tài nguyên và Môi trường	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
7	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định phương án bồi thường nhà biệt thự không có căn cứ cụ thể; tính toán sai số học; bồi thường đối với diện tích nằm ngoài diện tích thu hồi					
XX VIII	ĐỢT 39		- 109,168,620	- 63,700,000	- 59,188,620	13,720,000	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Trần Thị Vân - Giám đốc TTQLDD thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Nguyễn Thị Khương - Hợp đồng TTQLDD thành phố						
5	Nguyễn Thị Yến - Hợp đồng TTQLDD thành phố						
6	Nguyễn Mạnh Cường, nhân viên hợp đồng Trung tâm Quản lý đất đai thành phố						
7	Nguyễn Trọng Thương - Hợp đồng TTQLDD thành phố						
8	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						
9	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường						

10	Nguyễn Thị Khương, Hợp đồng TTQLĐĐ thành phố	Trong lập phương án xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường; Không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với Trần nhà, mái lợp, nền nhà; Xác định thiếu giá trị hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ gia đình được bồi thường do tính toán sai giá trị bồi thường về đất ở					
11	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
12	Nguyễn Thành Trung - Phó GĐ Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường					
13	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với Trần nhà, mái lợp, nền nhà					
XXI X	Đợt 75a		- 107,625,000			- 107,625,000	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLĐĐ Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Thức, Nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
4	Nguyễn Trọng Thường, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLĐĐ Thành phố	Ký biên bản kiểm tra: Đất; cây trồng trên đất bị thu hồi;					
5	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Ký xác minh tài sản diện tích đất bị thu hồi					
6	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Ký xác minh tài sản diện tích đất bị thu hồi					
XX X	ĐỢT 24		- 89,954,038	- 145,548,000	- 14,940,838	70,534,800	

1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Bà Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Nguyễn Thiện Hải - Viên chức TTQLDD thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa, chiều dày tấm đan bê tông.					
4	Vũ Thị Hà - Viên chức TTQLDD thành phố						
5	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						
6	Nguyễn Bích Xuân - Công chức trung tập xã Thanh Minh						
7	Nguyễn Thiện Hải, Viên chức TTQLDD thành phố.	Trong lập phương án xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường; Không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với Trần nhà; Tính toán sai khối lượng bồi thường tấm đan bê tông					
8	Vũ Thị Hà, Viên chức TTQLDD thành phố.						
9	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						
10	Nguyễn Bích Xuân Công chức trung tập xã Thanh Minh.						
11	Nguyễn Thành Trung - Phó GĐ Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường					
12	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với Trần nhà; Tính toán sai khối lượng bồi thường tấm đan bê tông					

13	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
XX XI	Đợt 57		- 69,162,002		- 69,162,002		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Trần Văn Mạnh, viên chức Trung tâm QLDD Thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ; Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; còn tính sai khối lượng; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ.					
4	Đào Hồng Nhung viên chức Trung tâm QLDD Thành phố						
5	Trương Thị Hồng Nhung, viên chức Trung tâm QLDD Thành phố						
6	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh						
7	Nguyễn Xuân Nguyên địa chính phường Nam Thanh						
8	Lò Văn Đại, công chức xã Pá Khoang						
9	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; còn tính sai khối lượng; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ.					

10	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; còn tính sai khối lượng; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ.					
XX XII	ĐỢT 59		- 55,944,697	- 23,342,000	- 32,602,697	-	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch và trần nhà; hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển không đúng quy định; áp sai đơn giá bồi thường về đất do áp sai vị trí đất					
4	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Quảng Văn Trường, công chức UBND xã Nà Nhạn						
7	Nguyễn Thành Trung, Phó GD Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Chịu trách nhiệm đối với các sai phạm trong thẩm định bồi thường, hỗ trợ về đất: Áp sai vị trí đất					
8	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng kinh tế xây dựng, Sở Xây dựng	Chịu trách nhiệm đối với các sai phạm trong thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc: hưa giảm trừ đơn giá lát gạch và trần nhà; hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển không đúng quy định					
9	Ông Hà Văn Đông, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
XX XIII	ĐỢT 37		- 50,150,000	- 60,760,000		10,610,000	

1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Trần Thị Vân - Giám đốc TTQDD thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Nguyễn Thị Khương - Hợp đồng với TTQLDD						
5	Nguyễn Thị Yên - Hợp đồng với TTQLDD						
6	Nguyễn Mạnh Cường, nhân viên hợp đồng Trung tâm Quản lý đất đai thành phố						
7	Nguyễn Trọng Thương - Hợp đồng với TTQLDD						
8	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường ký xác nhận						
9	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường ký xác nhận						
10	Nguyễn Thị Khương, Hợp đồng Trung tâm QLDD thành phố	Trong lập phương án xác định sai loại đường giao thông để áp giá bồi thường (giữa đường bê tông và đường đất); Xác định thiếu giá trị hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ gia đình được bồi thường do tính toán sai giá trị bồi thường về đất ở					
11	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					

12	Nguyễn Thành Trung - Phó GD Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm xác định sai loại đường giao thông để áp giá bồi thường (giữa đường bê tông và đường đất)					
XX XIV	Đợt 18		-	44,993,400		-	44,993,400
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Thức, viên chức Trung tâm quản lý đất đai thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ					
4	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi					
5	Nguyễn Trọng Thường, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố	Đã ký xây dựng Biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng, vật nuôi trên đất bị thu hồi					
6	Nguyễn Thị Việt Hà, phó Chủ tịch UBND phường Thanh Bình	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
7	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Ký xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp					
8	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất					
XX XV	ĐỢT 48		-	35,116,890		-	35,116,890
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Trương Thị Thanh Huệ - PGĐ TTQLDD thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Trương Thị Thanh Huệ - PGĐ TTQLDD thành phố						
4	Tạ Trung Kiên - viên chức TTQLDD thành phố						
5	Trần Văn Mạnh - Viên chức TTQLDD thành phố						

6	Nguyễn Thị Hạnh - Viên chức TTQLĐĐ thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
7	Trương Thị Hồng Nhung - Viên chức TTQLĐĐ thành phố						
8	Vũ Minh Hồng - Hợp đồng TTQLĐĐ thành phố						
9	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường ký xác nhận						
10	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường ký xác nhận						
11	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLĐĐ thành phố.	Trong lập phương án không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với mái lợp, nền nhà					
12	Trần Văn Mạnh, Viên chức TTQLĐĐ thành phố						
13	Nguyễn Thị Hạnh, Viên chức TTQLĐĐ thành phố						
14	Trương Thị Hồng Nhung, Viên chức TTQLĐĐ thành phố						
15	Vũ Minh Hồng, Hợp đồng TTQLĐĐ thành phố						
16	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
17	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với mái lợp, nền nhà					
XX XVI	Đợt 64		- 26,982,189		- 26,982,189		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLĐĐ Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Nguyễn Thiện Hải, Viên chức TTQLĐĐ thành phố.						

4	Vũ Thị Hà, Viên chức TTQLĐĐ thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc.					
5	Nguyễn Bích Xuân, công chức UBND xã Thanh Minh						
6	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh (nay là viên chức Trung tâm Quản lý đất đai thành phố)						
7	Lò Văn Thơm, công chức xã Mường Phăng						
8	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh						
9	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLĐĐ thành phố						
10	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLĐĐ thành phố						
11	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLĐĐ thành phố						
12	Quảng Văn Trường, công chức UBND xã Nà Nhạn						
13	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc.					

14	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc.					
XX XVI I	ĐỢT 36		- 24,805,200	- 23,347,200	- 1,458,000		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Bà Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh trung tập	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Lò Văn Đại - Công chức trung tập xã Pá Khoang						
5	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						
6	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường						
7	Nguyễn Thị Hóa, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Trong lập phương án xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường; Không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với mái lợp					
8	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					

9	Nguyễn Thành Trung - Phó GD Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT	Quá trình thẩm định không phát hiện ra việc xác định sai vị trí diện tích đất ở để áp giá bồi thường					
10	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với mái lợp					
XX XVI II	ĐỢT 58		- 22,672,986	-	- 22,672,986		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch và trần nhà; hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển không đúng quy định.					
4	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Quảng Văn Trường, công chức xã Nà Nhạn						
7	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng kinh tế xây dựng, Sở Xây dựng	Chịu trách nhiệm đối với các sai phạm trong thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc: hưa giảm trừ đơn giá lát gạch và trần nhà; hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển không đúng quy định					
8	Ông Hà Văn Đông, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
XX XIX	ĐỢT 47		- 20,000,000			- 20,000,000	

1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Lê Văn Cường - Viên chức TTQDD thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Trần Thị Quyên - Viên chức TTQLDD thành phố						
5	Nguyễn Thị Hóa - Viên chức TTQLDD thành phố						
6	Quàng Văn Trường - Công chức trung tập xã Nà Nhạn						
7	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						
8	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường						
9	Nguyễn Thị Hóa, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Trong lập phương án xác định sai đối tượng được hưởng hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu					
10	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
11	Nguyễn Thị Thảo - Chuyên viên phòng quản lý giá, Sở Tài chính	Xác định sai đối tượng được hưởng hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu					
XX XX	ĐỢT 62		- 19,342,364	-	- 19,342,364		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					

2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch và trần nhà; tính sai khối lượng tài sản vật kiến trúc					
4	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Quảng Văn Trường, công chức xã Thanh Minh						
7	Nguyễn Thị Anh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Chịu trách nhiệm đối với các sai phạm trong thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc					
8	Ông Hà Văn Đông, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
XX XXI	Đợt 41		- 16,632,000	- 15,120,000		-	- 1,512,000
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					
3	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ.					
4	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố						
5	Nguyễn Thị Hoá, Trung Tâm QLDD thành phố						
6	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						

7	Nguyễn Xuân Tâm, nhân viên hợp đồng Trung Tâm QLDD thành phố					
8	Quảng Văn Trường, công chức xã Thanh Minh					
9	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp				
10	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất				
11	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định (PA điều chỉnh bổ sung)				
XX XXI I	ĐỢT 40		- 11,897,600		- 11,897,600	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND				
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định				
3	Đào Hồng Nhung - Viên chức TTQLDD thành phố					
4	Trương Thị Hồng Nhung - Viên chức TTQLDD thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; ghi sai số học khối lượng công trình nhà vệ sinh; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa				
5	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường					
6	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường					

7	Đào Hồng Nhung - Viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Trong lập phương án tính toán sai khối lượng bồi thường do biên bản kiểm đếm viết sai số học					
8	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-					
9	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm phương án tính toán sai khối lượng bồi thường do biên bản kiểm đếm viết sai số học;					
XX XXI II	ĐỢT30		- 8,509,082		- 8,509,082		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Trương Thị Thanh Huệ - Phó Giám đốc TTQLDD thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Tạ Trung Kiên - Viên chức TTQLDD thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Trương Thị Thanh Huệ - Phó Giám đốc TTQLDD thành phố						
5	Trần Văn Mạnh - Viên chức TTQLDD thành phố						
6	Nguyễn Thị Hạnh - Viên chức TTQLDD thành phố						
7	Trương Thị Hồng Nhung - Viên chức TTQLDD thành phố						
8	Phạm Hải Lý - Công chức trung tập phường Noong Bua						

9	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						
10	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường						
11	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.	Trong lập phương án không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với tường xây					
12	Trần Văn Mạnh, Viên chức TTQLDD thành phố.						
13	Nguyễn Thị Hạnh, Viên chức TTQLDD thành phố.						
14	Trương Thị Hồng Nhung, Viên chức TTQLDD thành phố.						
15	Phạm Hải Lý, Công chức trung tập phường Noong Bua.						
16	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
17	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với tường xây					
XX XXI V	ĐỢT 26		- 6,916,565	-	- 6,916,565		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Bà Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					

3	Lò Văn Tuấn - Viên chức TTQLĐĐ thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
4	Lò Văn Đại - Công chức trung tập xã Pá Khoang						
5	Nguyễn Xuân Nguyên, công chức phường Nam Thanh						
6	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						
7	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường						
8	Đào Hồng Nhung - Viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố	Trong lập phương án không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với mái lợp, nền nhà, tường xây					
9	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
10	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với mái lợp, nền nhà, tường xây					
XX XX V	ĐỢT 28		- 3,680,496		- 3,680,496		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án; Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
2	Bà Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLĐĐ Thành phố	Phê duyệt kết quả lập phương án, trình thẩm định					
3	Đào Hồng Nhung - Viên chức TTQLĐĐ thành phố						

4	Trương Thị Hồng Nhung - Viên chức TTQLĐĐ thành phố	Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường theo quy định như: Chiều cao trần nhà, loại gỗ làm khuôn cửa					
5	Trần Văn Mạnh - Viên chức TTQLĐĐ thành phố						
6	Lò Văn Đại - Công chức trung tập xã Pá Khoang						
7	Nguyễn Xuân Nguyên, công chức phường Nam Thanh						
8	Nguyễn Duy Thành - Cán bộ địa chính phường Thanh Trường						
9	Trần Ngọc Sơn - Chủ tịch UBND phường Thanh Trường						
10	Đào Hồng Nhung - Viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố.	Trong lập phương án không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với nền nhà					
11	Nguyễn Thiện Hải - Viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố.						
12	Hà Văn Đông - Trưởng phòng TN&MT	Chịu trách nhiệm chung về các sai phạm trong việc thẩm định của Tổ công tác theo Quyết định 1035/QĐ-UBND					
13	Nguyễn Thị Ánh - Chuyên viên phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Quá trình thẩm định không phát hiện ra sai phạm không xác định điều chỉnh giảm đơn giá bồi thường nhà đối với nền nhà					
XX XX VI	Đợt 61		7,814,004	-	7,814,004	-	
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Phê duyệt phương án					
2	Trương Thị Thanh Huệ, phó giám đốc Trung Tâm QLĐĐ thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án					

3	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Kiểm đếm chưa xác định thời điểm làm nhà, chưa xác định chiều cao nhà làm căn cứ lập phương án; Lập phương án chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc, tình thiếu, tình thừa giá trị bồi thường về tài sản vật kiến trúc cho các hộ gia đình					
4	Nguyễn Thị Hạnh, viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						
5	Trần Văn Mạnh, viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						
6	Trương Thị Hồng Nhung, viên chức Trung tâm QLDD thành phố.						
7	Vũ Minh Hồng, nhân viên hợp đồng Trung tâm QLDD thành phố.						
8	Bạc Cẩm Thụ, công chức, phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc.					
9	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng, Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc: chưa giảm trừ đơn giá lát gạch, đơn giá lợp mái pro; áp đơn giá bồi thường làm nhà trên đất không phải đất ở không có căn cứ; áp sai đơn giá bồi thường về nhà; bồi thường tài sản nằm ngoài diện tích đo đạc.					

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	Tổ chức/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Ghi chú
I	Cơ quan, tổ chức vi phạm		
1	UBND thành phố Điện Biên Phủ	Ban hành quyết định phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án	
2	Trung tâm quản lý đất đai thành phố Điện Biên Phủ	Xây dựng biên bản kiểm tra: Đất, nhà, công trình xây dựng; cây trồng vật nuôi trên đất bị thu hồi; lập phương án bồi thường, hỗ trợ; trình đề nghị thẩm định phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án	
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.	
4	Phòng Tài chính Kế hoạch	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ	
5	Phòng Quản lý đô thị	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc	
6	UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
7	UBND phường Thanh Bình	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
8	UBND xã Thanh Luông	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
9	Tổ công tác 1035/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Thẩm định các phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án	
II	Cá nhân vi phạm		
1	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phó Chủ tịch UBND thành phố	Ban hành quyết định phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án	
2	Trần Thị Vân - Nguyên Giám đốc Trung tâm QLDD Thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án	
3	Trương Thị Thanh Huệ - Phó Giám đốc Trung tâm QLDD thành phố	Ký tờ trình đề nghị thẩm định phương án	
4	Lê Văn Cường, viên chức Trung Tâm QLDD thành phố		
5	Tạ Trung Kiên, Viên chức Trung tâm QLDD thành phố.		

6	Đào Hồng Nhung viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố
7	Trương Thị Hồng Nhung, viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố
8	Vi Thị Nhung, viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố
9	Nguyễn Thiện Hải, nguyên viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố, nay Công chức phòng TN&MT
10	Trần Văn Mạnh, viên chức Trung tâm QLĐĐ Thành phố
11	Vũ Thị Hà, Viên chức Trung tâm QLĐĐ thành phố.
12	Nguyễn Thị Hạnh, viên chức Trung tâm QLĐĐ thành phố.
13	Trần Thị Quyên, viên chức Trung Tâm QLĐĐ thành phố
14	Nguyễn Thị Hoá, Viên chức Trung Tâm QLĐĐ thành phố
15	Cà Văn Tuấn, công chức xã Thanh Minh
16	Lò Văn Đại, công chức xã Pá Khoang
17	Lò Văn Tiến, Công chức trung tập xã Thanh Minh, nay viên chức Trung tâm QLĐĐ thành phố
18	Lò Văn Thơm, công chức xã Mường Phăng
19	Quảng Văn Trường, công chức UBND xã Nà Nhạn
20	Phạm Hải Lý, Công chức trung tập phường Noong Bua.
21	Nguyễn Mạnh Cường, nhân viên hợp đồng Trung tâm Quản lý đất đai thành phố
22	Nguyễn Xuân Nguyên cán bộ địa chính phường Nam Thanh
23	Nguyễn Xuân Tâm, nhân viên hợp đồng Trung Tâm QLĐĐ thành phố
24	Lê Ngọc Tuấn, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố
25	Hoàng Văn Linh, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố
26	Nguyễn Thị Ngọc, nhân viên hợp đồng Trung tâm quản lý đất đai thành phố

- Thực hiện Thống kê, kiểm đếm tài sản: Biên bản kiểm tra không ghi ngày tháng; ghi sai số học khối lượng công trình; chưa kiểm tra, đo đếm đầy đủ các thông tin để làm căn cứ xác định giá trị bồi thường, Quá trình lập phương án còn nhập liệu sai số học, không xác định điều chỉnh giảm giá trị nền nhà, trần nhà theo hướng dẫn của sở xây dựng. xác định sai loại đường giao thông, áp sai đơn giá, xác định sai vị trí đất từ vị trí 2 sang vị trí 1, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sai đối tượng.v.v

[illegible]

27	Nguyễn Thị Khương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
28	Lê Minh Chiến, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
29	Nguyễn Bích Ngọc, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
30	Nguyễn Trọng Thương, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
31	Nguyễn Trường Mạnh, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
32	Lê Văn Thức, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
33	Nguyễn Thị Yến, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD Thành phố		
34	Vũ Minh Hồng, nhân viên hợp đồng, Trung tâm QLDD thành phố.		
35	Trần Ngọc Sơn, Chủ tịch UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
36	Đặng Văn Việt, Phó Chủ tịch, UBND phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
37	Nguyễn Duy Thành, công chức phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất	
38	Vũ Đình Toán, Chủ tịch UBND phường Thanh Bình	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
39	Nguyễn Thị Việt Hà, phó Chủ tịch UBND phường Thanh Bình	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
40	Lương Văn Lý, Chủ tịch nội nông dân phường Thanh Trường	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
41	Đặng Văn Bang, Tổ trưởng tổ 3, phường Thanh Trường	Xác minh nguồn gốc đất; xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
42	Quảng Văn Păng, Chủ tịch UBND xã Thanh Luông	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
43	Tòng Văn Suôn, Phó Chủ tịch xã Thanh Luông	Xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
44	Tòng Văn Trung - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án thành phố	Không kiểm tra khối lượng hiện trường ép cọc bê tông tại nhà Dương Minh Thụ - Vũ Thị Năm, nhưng vẫn ký xác nhận vào biên bản kiểm tra	
45	Nguyễn Tài Cường - Viên chức Ban quản lý dự án thành phố	Không thực hiện tiến hành kiểm tra khối lượng ép cọc bê tông theo biên bản mà xác nhận khối lượng ép cọc theo dự toán của đơn vị tư vấn dẫn đến thiếu cơ sở để tính toán bồi thường giá trị móng ép cọc	
46	Hà Văn Đông, nguyên Trưởng phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. (Ký điều chỉnh, bổ sung)	

47	Nguyễn Đình Hiệp, nguyên Phó phòng, Tài nguyên và Môi trường	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.	
48	Lưu Hoài Nam - Nguyên Phó Tài nguyên và Môi trường thành phố, nay chuyên viên phòng Kinh tế thành phố	- Ký trình đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ Tại các: QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; QĐ số 1759/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; QĐ số 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; QĐ số 2444/QĐ-UBND ngày 18/8/2021; QĐ số 607/QĐ-UBND ngày 01/4/202; QĐ số 597/QĐ-UBND ngày 30/3/2021; QĐ số 2665/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; QĐ số 462/QĐ-UBND ngày 12/3/2021; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 4/5/2021, điểm tái định cư số 3, Ký thẩm định, trình phê duyệt phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 08 hộ không đúng quy định	
49	Bùi Mạnh Cường - Nguyên Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định nguồn gốc đất, giao đất	
50	Tạ Thị Hằng, chuyên viên, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định	
51	Vũ Ngọc Thuận, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.	
52	Lù Thị Bích Phương, nguyên chuyên viên phòng Tài Nguyên và Môi trường, nay viên chức Trung tâm QLDD thành phố	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất	
53	Bùi Thị Ánh, chuyên viên phòng Tài Nguyên và Môi	Thẩm định về nguồn gốc đất, soạn tờ trình, quyết định thu hồi đất	
54	Nguyễn Thị Hương, nguyên Trưởng phòng Tài chính thành phố	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ	
55	Phạm Trung Kiên, Nguyên Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ	
56	Trần Xuân Mạnh, Chuyên viên, phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ	
57	Trần Thị Hoài, chuyên viên Phòng Tài chính- Kế hoạch thành phố	Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, chế độ chính sách, hỗ trợ	
58	Đỗ Trung Kiên, Phó phòng Quản lý đô thị thành phố	Thiếu trách nhiệm trong việc thẩm định tài sản, vật kiến trúc trong đó điểm tái định cư số 1, điểm tái định cư số 3	
59	Vũ Quyết Thắng, Nguyên phó phòng Quản lý đô thị thành phố	Thiếu trách nhiệm trong việc Thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc, tại điểm tái định cư số 3 Ký trình kết quả thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc Tại các Quyết định: QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; QĐ số 1759/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; QĐ số 2706/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày	

60	Bạc Cẩm Thụ, công chức phòng Quản lý đô thị thành phố	Thiếu trách nhiệm trong việc thẩm định tài sản, vật kiến trúc trong đó điểm tái định cư số 1, điểm tái định cư số 3	
61	Nguyễn Thành Trung, Phó Giám đốc, Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở TN&MT.	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về đất	
62	Nguyễn Thị Thảo, Chuyên viên, Phòng Quản lý giá, Sở	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, các chính sách hỗ trợ	
63	Nguyễn Thị Ánh, Chuyên viên, Phòng Kinh tế xây dựng, Sở Xây dựng	Thẩm định bồi thường, hỗ trợ về tài sản, kiến trúc	
64	Lò Văn Thành, Công an phường Thanh Trường	Ký xác nhận cho 05 trường hợp không đúng thực tế về thời điểm bắt đầu đăng ký tạm trú và thời gian lưu trú để các hộ đủ điều kiện giao đất và được hưởng hỗ trợ nơi ở tạm không đúng quy định	
65	Lò Văn Sơn, Công an phường Thanh Trường	Ký xác nhận cho 02 trường hợp không đúng thực tế về thời điểm bắt đầu đăng ký tạm trú và thời gian lưu trú để các hộ đủ điều kiện giao đất và được hỗ trợ nơi ở tạm không đúng quy định	

TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 793/KL-TTr, ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	Tên phương án	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (suất)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
					Tiền (đồng)	Đất (suất)	Tiền (đồng)	Đất (suất)	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)	Đất (suất)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	CĂNG HÀNG KHÔNG		(11,041,790,230)		(9,510,840,944)	-	-	-	-	(1,538,763,291)	7,814,004		
I	CÁC PHƯƠNG ÁN ĐẤT Ở		(5,767,192,950)	-	(4,236,243,664)	-	-	-	-	(1,538,763,291)	7,814,004	-	
1	Đợt 3	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 1,500,763,291		0					-1,500,763,291			
2	Đợt 17	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 123,563,308		-123,563,308								
3	Đợt 35	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 337,556,504		-337,556,504								
4	Đợt 53	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 737,180,253		-737,180,253								
5	Đợt 57	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 69,162,002		- 69,162,002								
6	Đợt 61	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	7,814,004								7,814,004		

7	Đợt 69	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 432,832,208	- 432,832,208								
8	Đợt 65	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 119,786,628	- 119,786,628								
9	Đợt 58	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 22,672,986	- 22,672,986								
10	Đợt 59	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 55,944,697	- 55,944,697								
11	Đợt 60	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 166,014,088	- 166,014,088								
12	Đợt 62	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 19,342,364	- 19,342,364								
13	Đợt 75	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 390,695,195	- 390,695,195								
14	Đợt 67	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	(166,404,534)	(128,404,534)					- 38,000,000			
15	Đợt 63	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	(173,142,948.00)	(173,142,948.00)								
16	Đợt 56	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 113,651,040	- 113,651,040								
17	Đợt 64	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	(26,982,189)	(26,982,189)								
18	Đợt 38	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 633,245,320	- 633,245,320								
19	Đợt 24	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-89,954,038	-89,954,038								
20	Đợt 26	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-6,916,565	-6,916,565								
21	Đợt 28	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-3,680,496	-3,680,496								

22	Đợt 30	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-8,509,082		-8,509,082								
23	Đợt 34	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-325,868,908		-325,868,908								
24	Đợt 36	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-24,805,200		-24,805,200								
25	Đợt 37	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-50,150,000		-50,150,000								
26	Đợt 39	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-109,168,620		-109,168,620								
27	Đợt 40	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-11,897,600		-11,897,600								
28	Đợt 47	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-20,000,000		-20,000,000								
29	Đợt 48	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	-35,116,890		-35,116,890								
II	CÁC PHƯƠNG ÁN ĐẤT		(5,274,597,280)	-	(5,274,597,280)	-	-	-	-	-	-	-	
1	Đợt 41	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 16,632,000	-	16,632,000								
2	Đợt 2	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 518,026,800	-	518,026,800								
3	Đợt 72	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 864,132,400	-	864,132,400								
4	Đợt 21	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 173,282,400	-	173,282,400								
5	Đợt 18	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 44,993,400	-	44,993,400								
6	Đợt 51	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 375,973,800	-	375,973,800								

7	Đợt 68	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 338,313,120		- 338,313,120								
8	Đợt 25	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 988,920,000		- 988,920,000								
9	Đợt 32	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 284,056,200		- 284,056,200								
10	Đợt 16	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 794,038,800		- 794,038,800								
11	Đợt 19	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 357,142,800		- 357,142,800								
12	Đợt 27	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 411,460,560		- 411,460,560								
13	Đợt 75a	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 107,625,000		- 107,625,000								
B	ĐIỂM TĐC SỐ 1		(2,603,680,884)	-	(1,287,059,383)	-	-	-	-	-	(1,316,621,501)	-	-
1	Đợt 15, 16, 17, 18, 24, Hỗ trợ suất TĐC tối thiểu	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 1,801,862,132		- 485,240,631						- 1,316,621,501		
3	Đợt 10	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 63,523,552		- 63,523,552								
4	Đợt 3	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 298,184,800		- 298,184,800								
5	Đợt 4	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 311,370,400		- 311,370,400								
6	Đợt 6	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	- 128,740,000		- 128,740,000								
C	ĐIỂM TĐC SỐ 3	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	(5,442,827,000)	8	(5,442,827,000)	8							

D	ĐIỂM TĐC C13 VÀ C13 MỞ RỘNG	Bồi thường, hỗ trợ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư không đảm bảo quy định	(461,000,000)		(461,000,000)								
	TỔNG CỘNG		(19,549,298,114)	8	(16,701,727,327)	8	-	-	-	(1,538,763,291)	(1,308,807,497)	-	

Ghi chú: Số tiền các hộ gia đình đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh 272.323.200 đồng

- 1 Hồ An Hòa, Phạm Thị Tần, Phương án đất ở đợt 67, đã nộp: 17.260.000 đồng
- 2 Bế Văn Thịnh, Triệu Thị Mai, phương án đất lúa đợt 51, đã nộp 220.000.000 đồng
- 3 Mai Thị Bản, đợt 17, phương án đất ở, đã nộp số tiền: 24.485.000 đồng
- 4 Dương Thị Thu Hiền - Hoàng Văn Hòa , đợt 35, phương án đất ở, đã nộp: 10.578.000 đồng

